



# BẢN TIN CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH

BẢN TIN NỘI BỘ CỦA VĂN PHÒNG BAN CHỈ ĐẠO CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH CỦA CHÍNH PHỦ

**SỐ 09/2020**  
Từ 23/2 - 27/2/2020

**TIN NỘI BẬT CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH**

**TIN TRUNG ƯƠNG**

## CHỈ ĐẠO NỘI DUNG

\*

TS. NGUYỄN TRỌNG THỪA  
THỨ TRƯỞNG BỘ NỘI VỤ  
PHÓ TRƯỞNG BAN BAN CHỈ ĐẠO  
CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH  
CỦA CHÍNH PHỦ

ÔNG PHẠM MINH HÙNG  
VỤ TRƯỞNG  
VỤ CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH  
BỘ NỘI VỤ

CHÁNH VĂN PHÒNG BAN CHỈ ĐẠO  
CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH  
CỦA CHÍNH PHỦ

## BIÊN TẬP VÀ TRÌNH BÀY

\*

TRUNG TÂM THÔNG TIN  
BỘ NỘI VỤ

## ĐỊA CHỈ LIÊN HỆ

SỐ 8 TÔN THẤT THUYẾT  
QUẬN NAM TỪ LIÊM - HÀ NỘI

## ĐIỆN THOẠI

024.62821016

## EMAIL

BANTINBCDCCHC@MOHA.GOV.VN

## WEBSITE

HTTP://WWW.MOHA.GOV.VN

## THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ:

### NGÀNH THUẾ CẦN BIỆN PHÁP MẠNH DẸP BỔ SỰ THỜ Ơ VỚI NGƯỜI DÂN, DOANH NGHIỆP

Phát biểu tại Hội nghị trực tuyến toàn quốc công bố hoàn thành kế hoạch triển khai thành lập Chi cục Thuế khu vực thuộc 63 Cục Thuế tỉnh, thành phố diễn ra ngày 26/02, Thủ tướng Chính phủ Nguyễn Xuân Phúc cho rằng, kết quả tổ chức lại một bước hệ thống ngành Thuế là tấm gương tốt, là việc khó mà ngành đã đạt được, từ đó thúc đẩy các cấp, một số ngành Trung ương nghiên cứu, vận dụng để tinh gọn bộ máy mà vẫn thực hiện tốt nhiệm vụ chính trị được giao. Kết quả này càng có ý nghĩa quan trọng khi hiện nay cả nước đang thực hiện mục tiêu kép: Vừa chống dịch COVID-19, vừa triển khai tốt nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội.



Thủ tướng Nguyễn Xuân Phúc phát biểu tại Hội nghị - Ảnh: VGP/Quang Hiếu

Theo Thủ tướng Chính phủ, mô hình mới của ngành Thuế đã gọn nhẹ hơn. Số lượng Chi cục ở cấp tỉnh, cấp huyện giảm xuống từ 711 xuống 415 Chi cục, giảm đến 2.100 Đội thuế và từ đó, giảm biên chế hết sức mạnh mẽ. Mặc dù triển khai sắp xếp lại bộ máy, nhiệm vụ thu thuế, nguồn thu quan trọng nhất của ngân sách Nhà nước, vẫn được bảo đảm. Toàn Ngành đã thu 1,27 triệu tỷ đồng, vượt 9,3%. Lần đầu tiên, cả 63 tỉnh, thành phố đều thu ngân sách vượt kế hoạch.

Thời gian gần đây, mức độ hài lòng của người dân, của người nộp thuế tăng từ 75% năm 2016 lên 78% năm 2019.

Đánh giá nguyên nhân của thành công, Thủ tướng Chính phủ cho rằng, đó là quyết tâm, nỗ lực của cả hệ thống, nhất là lãnh đạo Bộ Tài chính; biết phát huy truyền thống của Ngành, “hội nhập quốc tế nhưng không quên truyền thống”; hoàn thiện thể chế theo hướng hiện đại hóa, hội nhập, đáp ứng phát triển kinh tế - xã hội; áp dụng công nghệ.

Thủ tướng Chính phủ cũng cho rằng tình trạng nhùng nhể, tiêu cực vẫn còn xảy ra mà dư luận đã phản ánh trong thời gian qua cũng như các khiếu nại của doanh nghiệp. Kỷ luật, kỷ cương chưa nghiêm, vẫn còn hiện tượng cán bộ vi phạm phải xử lý. Vẫn còn tình trạng trên nóng dưới lạnh, tình trạng nợ đọng thuế, chây ì nộp thuế, trốn thuế, chuyển giá vẫn diễn ra. Việc nắm bắt nguồn thu, số thu còn chưa kịp thời. Việc dự báo đánh giá tình hình thu còn chưa sát thực tế phát sinh, còn bị động cho việc điều hành ngân sách nhà nước.

Trong bối cảnh cả nước vừa chống dịch, vừa thực hiện phát triển kinh tế - xã hội, Thủ tướng Chính phủ cho rằng, Bộ Tài chính, ngành Thuế cần có chương trình tạo điều kiện cho sản xuất kinh doanh của người dân và doanh nghiệp, nhất là chính sách thuế.

Nỗ lực nâng hạng chỉ số nộp thuế từ 7 - 10 bậc trong xếp hạng môi trường kinh doanh. Ứng dụng công nghệ thông tin tốt hơn, hiện đại hóa ngành Thuế mạnh mẽ hơn. Tập trung cải cách quản lý thuế, cắt giảm thủ tục hành chính thuế, mạnh dạn đề xuất các giải pháp đột phá, giảm thiểu phiền hà, khó khăn, tạo thuận lợi cho doanh nghiệp và người dân.

“Tiếng kêu của người dân, doanh nghiệp đối với ngành chúng ta đã giảm nhiều nhưng vẫn còn”, Thủ tướng Chính phủ nói. “Vì thế, ngành Thuế phải tiên phong khắc phục vấn đề này”.

Thực hiện tốt chiến lược về nguồn nhân lực một cách công khai, minh bạch trong công tác cán bộ của toàn hệ thống, nhất là khi sắp xếp bộ máy. Phải tìm những cán bộ giỏi, có đức, có tài để thực hiện nhiệm vụ chính trị. Tăng cường quản lý, ngăn chặn các hành vi chuyển giá, trốn thuế.

Thủ tướng Chính phủ đặt vấn đề, làm sao nghiên cứu cắt giảm hơn nữa thủ tục hành chính thuế, vì hiện nay còn đến 304 thủ tục hành chính lĩnh vực thuế, có tới 188 thủ tục hành chính được thực hiện dịch vụ công trực tuyến cấp độ 3 và 4. Liệu chúng ta có thể tiếp tục cắt giảm, đơn giản hóa được 10% thủ tục hành chính không và phần đầu 2020, nâng 50% số thủ tục hành chính cấp độ 1, 2 lên cấp độ 3, 4 được không?, Thủ tướng Chính phủ nêu câu hỏi.

“Tôi lưu ý là vẫn còn một số cán bộ ngành Thuế nhùng nhể, thờ ơ, chưa mạnh dạn đề xuất tháo gỡ, tạo điều kiện cho doanh nghiệp, người dân. Chúng ta cần có biện pháp mạnh mẽ để dẹp bỏ sự thờ ơ này đối với người dân, doanh nghiệp”, Thủ tướng Chính phủ nói. Phải kiểm tra, thanh tra, xử lý nghiêm những cán bộ vi phạm, thoái hóa biến chất. Công tác cán bộ ở ngành Thuế từ Tổng cục, Cục, Chi cục phải làm bài bản, chặt chẽ. công khai, minh bạch, công tâm, khách quan.

Tại Hội nghị, Thủ tướng Chính phủ đã bấm nút hòa mạng các Chi cục Thuế khu vực vào hệ thống quản lý thuế chung của cả nước./.

*Nguồn: baochinhphu.vn*

## “ỦY VIÊN TRUNG ƯƠNG SẼ GIẢM Ở QUỐC HỘI”

Văn phòng Quốc hội vừa tổ chức tọa đàm lấy ý kiến về dự án Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Quốc hội. Vấn đề số lượng đại biểu Quốc hội hoạt động chuyên trách tiếp tục nhận được nhiều ý kiến. Đây cũng là một trong những vấn đề trọng tâm nhận được thảo luận tại phiên họp thứ 42 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Liên quan đến số lượng Đại biểu Quốc hội hoạt động chuyên trách, Thường trực Ủy ban Pháp luật và Ban soạn thảo đưa ra hai phương án: Giữ quy định về tỷ lệ Đại biểu Quốc hội hoạt động chuyên trách ít nhất 35% (khoảng 175 đại biểu); và phương án hai là quy định đại biểu chuyên trách ít nhất 40% trên tổng số Đại biểu Quốc hội.

Đáng lưu ý, còn ý kiến đề nghị có chính sách thu hút những người nguyên là cán bộ, công chức, viên chức có kinh nghiệm công tác lâu năm, có năng lực, trí tuệ, gần đến tuổi nghỉ hưu, hoặc đã nghỉ hưu nhưng còn đủ điều kiện về sức khỏe tham gia làm Đại biểu Quốc hội hoạt động chuyên trách. Như vậy, sẽ không khống chế độ tuổi tối đa, hoặc kéo dài tuổi làm việc của Đại biểu Quốc hội hoạt động chuyên trách lên mức cao hơn (65 - 67 tuổi) so với quy định của Bộ luật Lao động để phát huy tối đa trí tuệ, kinh nghiệm của đại biểu.

Công thông tin điện tử Quốc hội dẫn lời ông Đặng Văn Chiến, nguyên Phó Chủ nhiệm Văn phòng Quốc hội, cho rằng, việc mời chuyên gia tham gia Đại biểu Quốc hội tuy không mới nhưng là một đề xuất hay, nếu làm được sẽ giúp nâng cao chất lượng của Đại biểu Quốc hội.

Trong khi đó, TS. Nguyễn Sỹ Dũng, nguyên Phó Chủ nhiệm Văn phòng Quốc hội cho rằng, nếu thể chế hóa Đoàn Đại biểu Quốc hội lên sẽ biến Quốc hội thành thượng viện, đại diện cho 63 tỉnh không có hạ viện thì quyền lợi rất khó đảm bảo.

Tổng Thư ký, Chủ nhiệm Văn phòng Quốc hội Nguyễn Hạnh Phúc cho rằng, Đại biểu Quốc hội là nguồn quan trọng làm nên chất lượng của Quốc hội. Theo ông Nguyễn Hạnh Phúc, cơ cấu Đại biểu Quốc hội sẽ thể hiện trong phương án bầu cử, cụ thể cơ quan hành pháp sẽ giảm đi.

Tổng Thư ký Quốc hội cũng cho biết, quy định mới của Trung ương cho phép lãnh đạo địa phương chỉ tham gia 2 chức vụ, theo đó, cơ cấu của Ban Chấp hành Trung ương, thành viên Chính phủ và thành viên Bộ Chính trị trong Quốc hội sẽ giảm. Ông Nguyễn Hạnh Phúc cũng đồng tình với góp ý đổi mới phương thức hoạt động của Quốc hội, trong đó chú trọng nâng cao năng lực và điều kiện hoạt động của Quốc hội, hạn chế bớt chức danh trong các Ủy ban của Quốc hội.

Đối với việc thành lập Thanh tra Quốc hội, Tổng Thư ký cho rằng, việc thành lập cơ quan từ cấp vụ mới phải báo cáo Bộ Chính trị. Cùng với việc thực hiện tinh gọn bộ máy, cần phải có đánh giá tổng kết về tác động khi thành lập Thanh tra Quốc hội thay cho Ban Dân nguyện.

Liên quan đến việc chuyển các Ban thuộc Ủy ban Thường vụ Quốc hội thành cơ quan chuyên môn thuộc Quốc hội, nhiều ý kiến tại buổi tọa đàm cho rằng, nên giữ nguyên cơ cấu,

chức năng Ban Công tác Đại biểu và Ban Dân nguyện trực thuộc Ủy ban Thường vụ Quốc hội như hiện nay đúng với chủ trương tinh giản biên chế từ Trung ương đến cơ sở.

Ngược lại, nhiều ý kiến đồng tình đổi tên Ủy ban Văn hóa, Giáo dục, Thanh niên, Thiếu niên và Nhi đồng thành Ủy ban Văn hóa, Giáo dục; Ủy ban Về các vấn đề xã hội của Quốc hội thành Ủy ban Xã hội...

*Nguồn: tienphong.vn*

## **BỘ Y TẾ: NĂM 2020 “14 THỦ TỤC HÀNH CHÍNH SẼ THAM GIA CƠ CHẾ MỘT CỬA QUỐC GIA”**

Tại Hội nghị trực tuyến triển khai công tác y tế năm 2020 và phòng chống dịch bệnh Covid-19 do Bộ Y tế tổ chức ngày 25/02, ông Trương Quốc Cường, Thứ trưởng Bộ Y tế cho biết, vừa qua, Bộ Y tế tiến hành áp dụng công nghệ thông tin trong nhiều lĩnh vực, đặc biệt là lĩnh vực dược.

Theo đó, Bộ Y tế đã xây dựng, ra mắt website ngân hàng dữ liệu ngành Dược (Drugbank.vn) với hơn 10.000 thuốc đang lưu hành, gần 41.000 cơ sở sản xuất, phân phối thuốc và dược sỹ đã được cấp chứng chỉ hành nghề, cung cấp cho cộng đồng một nền tảng tra cứu toàn diện thông qua website hoặc ngay trên ứng dụng di động.

Bộ cũng chuẩn hóa được trên 55.000 danh mục mặt hàng thuốc; xây dựng Platform quản lý Core Dược quốc gia và các chuẩn liên thông dữ liệu (API) cho phép kết nối với các phần mềm nhà thuốc khác, phần mềm quản lý bệnh viện, phần mềm của các cơ sở sản xuất và xuất nhập khẩu.

Về công tác cải cách thủ tục hành chính, theo lãnh đạo Bộ Y tế cơ quan này đã ban hành 6 Quyết định công bố thủ tục hành chính; tính đến nay, 602 thủ tục hành chính thuộc phạm vi quản lý của Bộ Y tế đã được ban hành và công bố, công khai trên Cơ sở dữ liệu Quốc gia.

Bộ Y tế tiếp tục rà soát, cắt giảm, đơn giản hóa 69,43% điều kiện kinh doanh, 75,97% thủ tục hành chính.

Bộ Y tế đã ban hành các quyết định kiện toàn Ban Chỉ đạo, kế hoạch hành động thúc đẩy thực hiện Cơ chế một cửa quốc gia, Cơ chế một cửa ASEAN. Đối với 37 thủ tục hành chính Bộ Y tế đăng ký tham gia Cơ chế một cửa quốc gia trong giai đoạn 2018 - 2020, năm 2018 - 2019 có 23 thủ tục hành chính hoàn thành và năm 2020 sẽ triển khai đối với 14 thủ tục hành chính còn lại...

*Nguồn: haiquanonline.com.vn*

## VIỆT NAM CÓ THỂ HỌC TẬP MÔ HÌNH CHÍNH PHỦ ĐIỆN TỬ CỦA NHẬT BẢN VÀ HÀN QUỐC

Triển khai thực hiện Nghị quyết số 17/NQ-CP ngày 07/3/2019 của Chính phủ về một số nhiệm vụ, giải pháp trọng tâm phát triển Chính phủ điện tử giai đoạn 2019 - 2020, định hướng đến năm 2025, theo ông Nguyễn Trung Chính, Chủ tịch Hội đồng quản trị kiêm Tổng giám đốc Công ty Cổ phần Tập đoàn Công nghệ CMC (Tập đoàn CMC), thành viên Tổ công tác giúp việc Ủy ban Quốc gia về Chính phủ điện tử, việc xây dựng Chính phủ điện tử, quản trị công, chính phủ số lấy người dân làm trung tâm là một quá trình lâu dài và tập trung.

Vì vậy, trong Báo cáo đánh giá độc lập về Chính phủ điện tử Việt Nam, ông Chính đã đưa ra một số đề xuất nhằm đẩy mạnh hơn nữa và đóng góp và quá trình chung này.

Thứ nhất, Chính phủ điện tử là sự cải tiến/nâng cao song song của cả quản trị công và công nghệ nhằm tiến tới một Chính phủ số, kinh tế số và xã hội số toàn diện mà kết quả mà người dân được thụ hưởng chính là các dịch vụ công được tập trung/trực tuyến/số hóa.

Giai đoạn vừa qua, Chính phủ đã lần lượt áp dụng cả công nghệ và các cải cách trong quản trị công để xây dựng Chính phủ điện tử, thời gian tới đây, đề xuất đẩy mạnh hơn nữa việc áp dụng công nghệ nhằm hỗ trợ tối đa cho quản trị công và người dân.

Thứ hai, mở rộng việc giao cho doanh nghiệp tham gia cùng nhà nước trong quá trình cải cách và đẩy mạnh áp dụng hình thức PPP (đối tác công tư), giảm bớt, tiến tới bỏ việc nhà nước tổ chức thực hiện dịch vụ công, nên đấu thầu giao cho doanh nghiệp làm.

Thứ ba, đề xuất hoàn thiện bộ chỉ số đánh giá về Chính phủ điện tử cho các Bộ, ngành, địa phương, đô thị và tổ chức đánh giá định kỳ hằng tháng để báo cáo Bộ Thông tin và Truyền thông và Chính phủ. Có phần mềm đánh giá online hằng tháng nhằm thúc đẩy việc phấn đấu xây dựng Chính phủ điện tử của các đơn vị.

Thứ tư, Bộ Thông tin và Truyền thông nhanh chóng xây dựng và khai trương Cổng dữ liệu mở quốc gia nhằm hình thành dữ liệu mở, công khai dữ liệu hành chính thuộc sở hữu của Chính phủ và thúc đẩy thiết kế vận hành hệ thống, nghiệp vụ dựa trên các kết quả đã đạt được như trực liên thông nhằm mở rộng các phạm vi mở theo đúng chỉ đạo về các cơ sở dữ liệu quốc gia còn đang thiếu, đặc biệt là cơ sở dữ liệu dân cư và cơ sở dữ liệu đất đai.

Thứ năm, Việt Nam có thể học tập mô hình Chính phủ điện tử của Nhật Bản và Hàn Quốc bởi có sự gần gũi về văn hóa.

Trong Báo cáo đánh giá độc lập về Chính phủ điện tử Việt Nam, Chủ tịch Hội đồng quản trị Tập đoàn CMC cũng trích dẫn kinh nghiệm của Nhật Bản và Hàn Quốc khi xây dựng Chính phủ điện tử.

Cụ thể, trong quá trình triển khai Chính phủ điện tử của Nhật Bản trải qua 5 giai đoạn và hiện nay đang trong quá trình xây dựng xã hội 5.0 với Chiến lược quốc gia về tăng trưởng kinh tế và Chiến lược quốc gia về đổi mới, song hành với Chiến lược số và Chiến lược dữ

liệu. Cấu trúc về xã hội 5.0 của Nhật Bản dựa trên nền tảng trao đổi dữ liệu và khuôn khổ khả năng tương tác của Chính phủ.

Hàn Quốc luôn đứng đầu trong các đánh giá về Chính phủ điện tử trên thế giới và đang trong quá trình xây dựng Chính phủ số với sự đồng hành của các doanh nghiệp lớn của Hàn Quốc như Samsung, LG, SK... Cơ sở nền tảng của Chính phủ điện tử của Hàn Quốc chính là hệ thống hạ tầng, cơ sở dữ liệu, nền tảng tập trung của toàn thể các bộ ngành, địa phương.

Với xu thế công nghệ 4.0 hiện nay, ông Chính cho rằng Việt Nam hoàn toàn có thể học tập để xây dựng cơ chế sử dụng một nền tảng V-Cloud nhằm tận dụng các nguồn lực đã được đầu tư tại các Bộ, ngành, địa phương và tái sử dụng tại các Bộ, ngành, địa phương chưa đầu tư. Nền tảng này có thể thực hiện thông qua các chương trình phối - kết hợp công tư (PPP) hoặc do Bộ Thông tin và Truyền thông chủ trì...

*Nguồn: mothegioi.vn*

## TIỆN ÍCH TỪ ỨNG DỤNG CHỮ KÝ SỐ

Dịch vụ chữ ký số công cộng được áp dụng phổ biến trong các giao dịch thương mại điện tử nhằm chứng thực người tham gia giao dịch, xác thực tính an toàn của giao dịch điện tử qua mạng. Sau 11 năm cung cấp trên thị trường, dịch vụ này đã giúp mang lại nhiều tiện ích cho khách hàng.

Dịch vụ chữ ký số công cộng được các nhà cung cấp dịch vụ trong nước ra mắt từ năm 2009. Chữ ký số có giá trị pháp lý và được coi là chứng cứ ký số vào thông điệp dữ liệu (văn bản điện tử, chứng từ điện tử, hóa đơn điện tử...).

Theo Trung tâm Chứng thực điện tử quốc gia (Bộ Thông tin và Truyền thông), số lượng chứng thư số công cộng đang hoạt động (năm 2019) đạt khoảng 1,27 triệu chứng thư (cấp cho doanh nghiệp, người dân). Chứng thư số chuyên dùng Chính phủ đang hoạt động khoảng 220.000 chứng thư số (cấp cho cơ quan nhà nước và cán bộ, công chức).

Đánh giá về thị trường dịch vụ này, Phó Giám đốc Trung tâm Chứng thực điện tử quốc gia (Bộ Thông tin và Truyền thông) Đặng Đình Trường cho biết, thị trường chứng thực chữ ký số công cộng đã tăng trưởng mạnh mẽ, chỉ riêng năm 2019, Bộ Thông tin và Truyền thông đã cấp mới giấy phép cung cấp dịch vụ chứng thực chữ ký số công cộng cho 5 doanh nghiệp, nâng tổng số lên 14 đơn vị được cấp phép (tăng 55% so với cùng kỳ năm trước). Trong số 14 nhà cung cấp dịch vụ chứng thực chữ ký số hiện nay, có các doanh nghiệp viễn thông, công nghệ hàng đầu như VNPT, BKAV, FPT, Viettel...

Rõ ràng, sự tăng trưởng về số đơn vị đăng ký cung cấp dịch vụ và khách hàng cho thấy, với sự phát triển của công nghệ và các dịch vụ, trong thời gian tới lượng người dùng chữ ký số công cộng tiếp tục tăng trưởng mạnh; đặc biệt, trong bối cảnh Chính phủ và các Bộ, ngành thực hiện chuyển đổi số. Do vậy, các vấn đề về an toàn, an ninh phải được đặt ra.

Theo ông Đặng Đình Trường, cùng với cung cấp dịch vụ chứng thực cho các doanh nghiệp triển khai tới khách hàng, Trung tâm Chứng thực điện tử quốc gia còn xây dựng hành lang pháp lý (dự thảo Nghị định quy định về định danh và xác thực điện tử) để triển khai dịch vụ này. Cuối tháng 12/2019, Bộ Thông tin và Truyền thông đã có công văn xin ý kiến các thành viên Ủy ban quốc gia về chữ ký số nội dung dự thảo Nghị định quy định về định danh và xác thực điện tử. Sau khi có ý kiến trả lời, Trung tâm sẽ hoàn thiện dự thảo trình lãnh đạo Bộ để Bộ Thông tin và Truyền thông trình Chính phủ xem xét, ban hành./.

*Nguồn: hanoimoi.com.vn*

## **31% DOANH NGHIỆP NÔNG NGHIỆP THAN “PHIÊN HÀ” VỀ THỦ TỤC HÀNH CHÍNH ĐẤT ĐAI**

Sáng ngày 25/02, Viện Chính sách và chiến lược phát triển nông nghiệp nông thôn (Ispard) tổ chức hội thảo “Phát triển các thể chế hỗ trợ thúc đẩy thị trường đất nông nghiệp ở Việt Nam”. Hội thảo được sự hỗ trợ của Chương trình Australia hỗ trợ cải cách hành chính kinh tế Việt Nam (Aus4Reform).

Số liệu của Tổng cục Thống kê cho thấy, 63% hộ nông dân có diện tích đất nhỏ hơn 0,5ha; 26% có diện tích đất nông nghiệp từ 0,5 - 2ha. Ngoài ra, một hộ có nhiều mảnh đất. Điều này gây ra hạn chế, bất cập trong sản xuất nông nghiệp, đặc biệt là trong việc khuyến khích doanh nghiệp đầu tư...

Thực tế, một nghiên cứu mới đây của Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam (VCCI) chỉ ra, có đến 31% trong tổng số 700 doanh nghiệp khi được hỏi cho rằng, đất đai là thủ tục hành chính gây phiền hà nhất cho các doanh nghiệp trong quá trình đầu tư. Xếp trên các yếu tố về thuế, bảo hiểm xã hội, môi trường, quản lý thị trường...

Theo Phó Viện trưởng Ipsard Hoàng Vũ Quang, Nhà nước đã và đang có định hướng tích tụ ruộng đất. Tuy nhiên, tốc độ chậm, chưa đáp ứng được kỳ vọng. Nguyên nhân chậm là do thị trường đất nông nghiệp hiện chưa phát triển. Tích tụ ruộng đất vẫn là bài toán nan giải với nhiều vấn đề cần tháo gỡ...

Tại hội thảo, các đại biểu đến từ Ipsard, VCCI, Ban Kinh tế Trung ương... đã tập trung thảo luận về kinh nghiệm quốc tế về xây dựng các tổ chức/thể chế hỗ trợ phát triển thị trường đất nông nghiệp.

Đại diện Ipsard cho biết, trên cơ sở kinh nghiệm quốc tế và thực tiễn, hội thảo sẽ đưa ra các đề xuất, khuyến nghị chính sách, trong đó, tập trung vào tăng cường vai trò cho các tổ chức/hệ thống hỗ trợ cho sự vận hành bền vững, hiệu quả của thị trường đất nông nghiệp. Đặc biệt là hệ thống quản lý đất đai, các công cụ hỗ trợ cân cân bằng cung cầu thị trường...

*Nguồn: kinhtedothi.vn*

## BỘ NỘI VỤ: MỘT SỐ ĐỀ XUẤT MỚI LIÊN QUAN ĐẾN CÁN BỘ, CÔNG CHỨC, VIÊN CHỨC

Triển khai Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Cán bộ, công chức và Luật Viên chức (Luật số 52/2019/QH14), Bộ Nội vụ đã xây dựng các dự thảo Nghị định của Chính phủ hướng dẫn thi hành một số điều của Luật về: tuyển dụng, sử dụng và quản lý công chức; tiêu chuẩn chức danh công chức lãnh đạo, quản lý trong cơ quan hành chính nhà nước; xử lý kỷ luật cán bộ, công chức, viên chức.

### \* Quy định về tuyển dụng, sử dụng và quản lý công chức

Theo dự thảo Nghị định, không tiếp tục quy định chế độ công chức tại các đơn vị sự nghiệp công lập như quy định tại Khoản 2 Điều 4 và điểm c Khoản 1 Điều 32 Luật Cán bộ, công chức năm 2008. Cụ thể, công chức thuộc đối tượng áp dụng tại dự thảo Nghị định là “Công dân Việt Nam, được tuyển dụng, bổ nhiệm vào ngạch, chức vụ, chức danh tương ứng với vị trí việc làm trong cơ quan của Đảng Cộng sản Việt Nam, Nhà nước, tổ chức chính trị - xã hội ở Trung ương, cấp tỉnh, cấp huyện; trong cơ quan, đơn vị thuộc Quân đội nhân dân mà không phải là sĩ quan, quân nhân chuyên nghiệp, công nhân quốc phòng; trong cơ quan, đơn vị thuộc Công an nhân dân mà không phải là sĩ quan, hạ sĩ quan phục vụ theo chế độ chuyên nghiệp, công nhân công an, trong biên chế và hưởng lương từ ngân sách nhà nước” (Khoản 1 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Cán bộ, công chức và Luật Viên chức năm 2019).

Đối với khung chính sách áp dụng đối với người có tài năng trong hoạt động công vụ, dự thảo Nghị định dành riêng Chương III với 2 Điều (Điều 28. Trách nhiệm rà soát, phát hiện người có tài năng trong hoạt động công vụ và Điều 29. Chính sách về đào tạo, bồi dưỡng, sử dụng, quy hoạch, bổ nhiệm, tiền lương, phúc lợi) quy định, cụ thể:

Về chính sách đào tạo, bồi dưỡng, được cử tham gia các chương trình bồi dưỡng kiến thức tổng quan, khoa học, cơ bản với ngành, nghề, lĩnh vực phù hợp với định hướng phát triển; được cử tham gia các khóa đào tạo tập trung trong nước, quốc tế đối với các chương trình phù hợp với ngành, lĩnh vực phù hợp với định hướng phát triển và chế độ đào tạo, bồi dưỡng khác phù hợp với đặc thù ngành, lĩnh vực, địa phương do người đứng đầu cơ quan có thẩm quyền tuyển dụng công chức quyết định.

Chính sách về môi trường làm việc, trang thiết bị làm việc, được tham gia dự và phát biểu ý kiến tại các cuộc họp có liên quan đến công tác chuyên môn của Ban lãnh đạo cơ quan, tổ chức, đơn vị đang công tác; được phân công, bố trí người (hoặc một nhóm) hỗ trợ thực hiện công việc, nhiệm vụ cụ thể. Người (hoặc nhóm) được phân công có trách nhiệm thực hiện các công việc theo yêu cầu của người có tài năng trong hoạt động công vụ; được đầu tư trang thiết bị, phương tiện làm việc cần thiết về máy móc, thiết bị, thông tin, tài liệu, phòng làm việc để triển khai thực hiện tốt nhiệm vụ được giao; trường hợp cần thiết sẽ được đầu tư nguồn lực và các trang thiết bị đặc biệt để triển khai các chương trình, đề án, đề tài, công trình nghiên cứu khoa học đã được cấp có thẩm quyền đánh giá là khả thi, mang lại hiệu quả kinh tế - xã hội cao; được



người đứng đầu cơ quan sử dụng công chức bố trí, sắp xếp nhân lực, vật lực phục vụ trong thời gian thực hiện một nhiệm vụ cụ thể, kể cả ngoài thời gian làm việc; được tạo điều kiện để tiếp cận với các văn bản của Đảng, Nhà nước, kể cả văn bản mật, để khai thác thông tin phục vụ hoạt động chuyên môn và nghiên cứu khoa học.

Về chính sách quy hoạch, bổ nhiệm, được xem xét, lựa chọn và đặc cách quy hoạch và các chức danh lãnh đạo, quản lý hoặc chuyên gia đầu ngành của lĩnh vực công tác; được tập trung bồi dưỡng theo hướng trở thành nhà khoa học, chuyên gia đầu ngành cho các lĩnh vực; được giao chủ trì các đề tài, công trình nghiên cứu khoa học từ cấp tỉnh trở lên; sau 3 năm công tác, nếu đáp ứng được các tiêu chuẩn, điều kiện của ngạch cao hơn trong cùng ngành chuyên môn với ngạch hiện giữ thì được xem xét đặc cách cử tham dự kỳ thi nâng ngạch lên chuyên viên chính hoặc tương đương mà không yêu cầu thời gian giữ ngạch theo quy định.

Về chính sách tiền lương, chế độ phúc lợi, căn cứ vào điều kiện của từng Bộ, ngành, địa phương, người đứng đầu cơ quan quản lý công chức quyết định áp dụng chính sách tiền lương, chế độ phúc lợi và các chính sách khác sau đây: chế độ lương tăng so với lương của ngạch công chức hiện hưởng. Kinh phí tăng thêm được xác định trong dự toán kinh phí chi thường xuyên và được phân bổ cho các cơ quan, tổ chức theo quy định của Luật Ngân sách; đặc cách nâng lương trước thời hạn từ 1 đến 2 bậc lương hoặc đặc cách xét nâng ngạch công chức nếu có thành tích đặc biệt xuất sắc; được thuê nhà công vụ hoặc vay tiền mua nhà trả góp theo bảo lãnh của cơ quan, tổ chức từ Ngân hàng Chính sách xã hội với lãi suất ưu đãi theo quy định của Chính phủ; vợ, chồng, con để được ưu tiên bố trí làm việc, học tập tại cơ quan, tổ chức, cơ sở giao dục, đào tạo tại địa phương nơi người đó công tác; được giữ nguyên chế độ, chính sách như đi làm trong thời gian được cử đi đào tạo, bồi dưỡng. Trường hợp địa điểm học tập không ở địa phương nơi công tác thì còn được hưởng chế độ như đối với người được cử đi công tác; được đề xuất dự toán kinh phí thực hiện một công việc hoặc một nhiệm vụ cụ thể; được giao, quyết định việc sử dụng và chịu trách nhiệm việc sử dụng kinh phí của mình.

Dự thảo Nghị định cũng quy định chi tiết việc tiếp nhận viên chức, cán bộ, công chức cấp xã, người hưởng lương trong lực lượng vũ trang nhân dân, người làm công tác cơ yếu, người giữ chức vụ, chức danh lãnh đạo trong doanh nghiệp nhà nước để thực hiện chủ trương liên thông trong công tác cán bộ (Điều 18).

Quy định nguyên tắc kiểm định chất lượng đầu vào công chức; việc kiểm định chất lượng đầu vào công chức được thực hiện theo lộ trình, bảo đảm công khai, minh bạch, thiết thực, hiệu quả; quy định xét nâng ngạch đối với công chức.

Bên cạnh đó, trong thời gian qua, Bộ Chính trị đã ban hành các văn bản quy định về công tác cán bộ. Do vậy, để đồng bộ giữa quy định của Đảng và quy định của pháp luật về công tác cán bộ, trong đó có các nội dung quy định bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, luân chuyển, từ chức, miễn nhiệm, thôi giữ chức vụ khi rà soát, sửa đổi, bổ sung các văn bản quy phạm pháp luật quy định về công tác cán bộ, đáp ứng các yêu cầu đổi mới công tác cán bộ theo tinh thần của Đảng tại các Nghị quyết Trung ương là cần thiết.

Ngoài ra, việc tuyển dụng công chức trong thời gian qua đã được đổi mới từ thi 4 môn thi (kiến thức chung, chuyên môn nghiệp vụ, ngoại ngữ, tin học) thành 2 vòng thi (vòng 1 là thi điều kiện với 3 nội dung thi kiến thức chung, ngoại ngữ và tin học; vòng 2 là thi chuyên môn nghiệp vụ), góp phần đơn giản hóa thủ tục hành chính, tăng cường tính công khai, minh bạch, nâng cao chất lượng trong công tác tuyển dụng công chức, gắn việc tuyển dụng công chức với người sử dụng công chức và với yêu cầu của vị trí việc làm cần tuyển dụng. Tuy nhiên, quy định hiện hành vẫn chưa được đổi mới về tiêu chuẩn, điều kiện chứng chỉ ngoại ngữ, tin học trong tuyển dụng, tuy rằng khi người đăng ký dự tuyển chưa phải nộp chứng chỉ (đăng ký tuyển dụng qua Phiếu đăng ký tuyển dụng) nhưng khi hoàn thiện hồ sơ tuyển dụng có yêu cầu về văn bằng, chứng chỉ hoặc đối với thi nâng ngạch công chức cũng vẫn còn quy định điều kiện nộp chứng chỉ ngoại ngữ, tin học trong hồ sơ dự thi.

Hiện nay, trong chương trình đào tạo tại một số cơ sở giáo dục đại học đã xây dựng chương trình đào tạo có quy định về chuẩn đầu ra ngoại ngữ khi tốt nghiệp mà quy định về chuẩn đầu ra đó lại phù hợp với yêu cầu về trình độ ngoại ngữ quy định trong tiêu chuẩn chuyên môn nghiệp vụ của ngạch công chức chuyên viên. Đồng thời, tại Nghị quyết số 100/2019/QH14 của Quốc hội về hoạt động chất vấn tại Kỳ họp thứ 8, Quốc hội khóa XIV cũng đã yêu cầu rà soát, hoàn thiện các quy định về trình độ ngoại ngữ, tin học trong tuyển dụng, thi, xét, nâng ngạch, thăng hạng viên chức, bổ nhiệm, bổ nhiệm lại nhằm bảo đảm đánh giá đúng trình độ, năng lực của cán bộ, công chức, viên chức và phù hợp với thực tiễn, gắn với vị trí việc làm. Do vậy, việc nghiên cứu để thay đổi quy định về tiêu chuẩn, điều kiện chứng chỉ ngoại ngữ, tin học trong tuyển dụng, nâng ngạch công chức là cần thiết.

Mặt khác, trong thời gian qua, chính sách đặc thù đối với người dân tộc thiểu số được Đảng, Chính phủ đặc biệt quan tâm, ban hành các văn bản nhằm nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ người dân tộc thiểu số. Tuy nhiên đã có những chính sách ưu tiên trong tuyển dụng nhưng tỷ lệ cán bộ, công chức người dân tộc thiểu số hiện vẫn chưa đáp ứng yêu cầu đặt ra. Tại Công văn số 11230/VPCP-TCCV ngày 10/12/2019 của Văn phòng Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ giao Bộ Nội vụ chủ trì nghiên cứu, rà soát, đề xuất sửa đổi, bổ sung chính sách về tuyển dụng, sử dụng và quản lý đối với cán bộ, công chức, viên chức người dân tộc thiểu số khi xây dựng các văn bản quy định chi tiết Luật số 52/2019/QH14. Do vậy, việc nghiên cứu để quy định chính sách ưu tiên trong tuyển dụng đối với người dân tộc thiểu số trong nội dung dự thảo Nghị định, từng bước nâng cao tỷ lệ đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức người dân tộc thiểu số tham gia vào các cơ quan của Nhà nước quy định tại Quyết định số 402/QĐ-TTg.

#### **\* Đề xuất tiêu chuẩn chức danh công chức lãnh đạo, quản lý trong cơ quan hành chính nhà nước**

Theo dự thảo Nghị định, đối tượng điều chỉnh của Nghị định này là công chức trong các cơ quan hành chính nhà nước ở Bộ, cơ quan ngang Bộ, Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương; Ủy ban nhân dân huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh, thành phố thuộc thành phố trực thuộc Trung ương, bao gồm 11 nhóm chức vụ (từ Thứ trưởng đến Trưởng, Phó phòng thuộc huyện).

Tiêu chuẩn áp dụng chung đối với các chức danh công chức lãnh đạo, quản lý, gồm: tiêu chuẩn chung về chính trị tư tưởng; tiêu chuẩn chung về đạo đức, lối sống, ý thức tổ chức kỷ luật và tiêu chuẩn chung về sức khỏe, độ tuổi. Nội dung này được xây dựng trên cơ sở khung tiêu chuẩn chức danh cán bộ lãnh đạo quản lý tại Quy định số 89-QĐ/TW.

Về tiêu chuẩn đối với từng chức danh công chức lãnh đạo, quản lý trong cơ quan hành chính nhà nước, gồm 19 chức danh là: Thứ trưởng, Phó Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ; Tổng cục trưởng và tương đương thuộc Bộ; Phó Tổng cục trưởng và tương đương thuộc Bộ; Vụ trưởng và tương đương thuộc Bộ; Phó Vụ trưởng và tương đương thuộc Bộ; Vụ trưởng và tương đương thuộc Tổng cục; Phó Vụ trưởng và tương đương thuộc Tổng cục; Cục trưởng và tương đương thuộc Bộ; Phó Cục trưởng và tương đương thuộc Bộ; Cục trưởng và tương đương thuộc Tổng cục; Phó Cục trưởng và tương đương thuộc Tổng cục; Giám đốc sở và tương đương thuộc tỉnh; Phó Giám đốc sở và tương đương thuộc tỉnh; Trưởng phòng và tương đương của tổ chức thuộc Bộ; Phó Trưởng phòng và tương đương của tổ chức thuộc Bộ; Trưởng phòng và tương đương thuộc Tổng cục; Phó Trưởng phòng và tương đương của tổ chức thuộc Tổng cục; Trưởng phòng và tương đương thuộc sở; Phó Trưởng phòng và tương đương thuộc sở; Trưởng phòng và tương đương thuộc huyện; Phó Trưởng phòng và tương đương thuộc huyện.

Về vị trí chức trách gồm địa vị pháp lý, vị trí, chức năng, cơ chế thẩm quyền và cơ chế trách nhiệm. Về năng lực, phải có tầm nhìn, cụ thể hóa đường lối chính sách, xây dựng pháp luật; quản lý và tổ chức thực hiện chính sách và pháp luật của Nhà nước về ngành, lĩnh vực, chuyên ngành; lãnh đạo, quản lý; nghiên cứu khoa học; tổ chức quản lý cơ quan, đơn vị; tổ chức phối hợp.

Về kinh nghiệm công tác, yêu cầu phải có thời gian tối thiểu là 03 năm đảm nhiệm và hoàn thành tốt chức trách, nhiệm vụ của chức danh lãnh đạo, quản lý cấp dưới trực tiếp; đối với lãnh đạo cấp phòng thì phải có thời gian làm chuyên môn tối thiểu là 03 năm. Việc bổ sung quy định này là phù hợp với Quy định số 89-QĐ/TW và Quy định số 214-QĐ/TW, đồng thời hạn chế việc bổ nhiệm “thần tốc” đối với công chức giữ chức vụ lãnh đạo, quản lý.

Về trình độ, yêu cầu phải tốt nghiệp đại học trở lên phù hợp với ngành, lĩnh vực công tác; đối với lãnh đạo cấp vụ thuộc Bộ, cấp sở và Vụ trưởng thuộc Tổng cục yêu cầu trình độ cao cấp; đối với lãnh đạo cấp Vụ phó thuộc Tổng cục, Trưởng phòng yêu cầu trình độ trung cấp; đối với lãnh đạo cấp Phó phòng không quy định bắt buộc phải có trình độ lý luận chính trị để phù hợp với thực tế vì có nhiều trường hợp công chức được bổ nhiệm cấp phòng chưa phải là đảng viên hoặc theo Kết luận số 202-KL/TW về thi tuyển lãnh đạo, quản lý cấp phòng cho phép trường hợp chưa phải là đảng viên được dự thi.

Về trình độ quản lý, đề nghị yêu cầu phải bổ nhiệm vào một ngạch công chức tương ứng với yêu cầu của vị trí việc làm, đồng thời phải có chứng chỉ quản lý nhà nước theo chức danh bổ nhiệm (được quy định tại Khoản 5 Điều 17 Nghị định số 101/2017/NĐ-CP ngày 01/9/2017 của Chính phủ quy định về đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức).

Về trình độ tin học, ngoại ngữ, đề nghị không quy định cụ thể mà thực hiện theo quy định riêng của từng Bộ, ngành, địa phương. Trường hợp công chức công tác ở địa phương có trên 50% đồng bào dân tộc thiểu số thì cho phép sử dụng tiếng dân tộc thay thế cho tiêu chuẩn ngoại ngữ.

Dự thảo Nghị định cũng quy định chuyển tiếp, trong thời hạn 02 năm đối với những người đã được bổ nhiệm chức vụ lãnh đạo, quản lý trước khi Nghị định này có hiệu lực thì hành, nếu còn thiếu tiêu chuẩn về trình độ theo quy định tại Nghị định này thì phải bổ sung đủ những tiêu chuẩn theo quy định; Trong thời gian này vẫn được xem xét bổ nhiệm lại...

#### **\* Đề xuất mới về xử lý kỷ luật cán bộ, công chức, viên chức**

Theo đó, phạm vi điều chỉnh của Nghị định này quy định về thời hiệu, thời hạn xử lý kỷ luật; hình thức kỷ luật; thẩm quyền, trình tự, thủ tục xử lý kỷ luật đối với công chức, viên chức và việc áp dụng các quy định của Nghị định này để xử lý kỷ luật đối với một số trường hợp cán bộ có hành vi vi phạm mà pháp luật và điều lệ chưa quy định.

Về thời hiệu xử lý kỷ luật, 02 năm đối với hành vi vi phạm ít nghiêm trọng mà có thể bị xử lý kỷ luật bằng hình thức khiển trách; 05 năm đối với hành vi vi phạm không thuộc trường hợp quy định tại điểm a Khoản 1 Điều 5 Nghị định này. Thời hiệu xử lý kỷ luật được tính từ thời điểm có hành vi vi phạm cho đến thời điểm người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị có thẩm quyền ra thông báo bằng văn bản về việc xem xét xử lý kỷ luật.

Các hành vi vi phạm không áp dụng thời hiệu xử lý kỷ luật: cán bộ, công chức, viên chức là đảng viên có hành vi vi phạm đến mức phải kỷ luật bằng hình thức khai trừ; có hành vi vi phạm quy định về công tác bảo vệ chính trị nội bộ; có hành vi xâm hại đến lợi ích quốc gia trong lĩnh vực quốc phòng, an ninh, đối ngoại; sử dụng văn bản, chứng chỉ, giấy chứng nhận, xác nhận giả hoặc không hợp pháp.

Thời hạn xử lý kỷ luật tối đa là 90 ngày, tính từ ngày phát hiện công chức có hành vi vi phạm pháp luật cho đến ngày cơ quan, tổ chức, đơn vị có thẩm quyền ra quyết định xử lý kỷ luật; trường hợp vụ việc có những tình tiết phức tạp cần có thời gian thanh tra, kiểm tra để xác minh làm rõ thêm thì thời hạn xử lý kỷ luật có thể kéo dài nhưng tối đa không quá 150 ngày. Người có thẩm quyền ra quyết định kỷ luật quyết định bằng văn bản về việc kéo dài thời hạn.

Dự thảo Nghị định cũng quy định các hình thức kỷ luật đối với công chức không giữ chức vụ lãnh đạo, quản lý gồm 4 hình thức là: khiển trách, cảnh cáo, hạ bậc lương và buộc thôi việc. Đối với công chức giữ chức vụ lãnh đạo, quản lý gồm 5 hình thức là: khiển trách, cảnh cáo, giáng chức, cách chức và buộc thôi việc.

Đối với viên chức không giữ chức vụ quản lý nếu có hành vi vi phạm pháp luật, tùy theo mức độ vi phạm bị áp dụng một trong các hình thức kỷ luật: khiển trách, cảnh cáo và buộc thôi việc. Viên chức quản lý nếu có hành vi vi phạm pháp luật, tùy theo mức độ vi phạm bị áp dụng một trong các hình thức: khiển trách, cảnh cáo, cách chức và buộc thôi việc. Viên chức bị kỷ luật bằng một trong các hình thức quy định tại Khoản 1, Khoản 2 Điều 15 Nghị định này còn có thể bị hạn chế thực hiện hoạt động nghề nghiệp theo quy định của pháp luật có liên quan.

Về thẩm quyền xử lý kỷ luật: đối với công chức, viên chức giữ chức vụ lãnh đạo, quản lý, người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị có thẩm quyền bổ nhiệm tiến hành xử lý kỷ luật và

quyết định hình thức kỷ luật; đối với công chức, viên chức không giữ chức vụ lãnh đạo, quản lý, người đứng đầu cơ quan quản lý hoặc người đứng đầu cơ quan được phân cấp quản lý công chức; người đứng đầu đơn vị sự nghiệp quản lý viên chức tiến hành xử lý kỷ luật và quyết định hình thức kỷ luật; đối với công chức, viên chức biệt phái, người đứng đầu cơ quan nơi được cử đến biệt phái tiến hành xử lý kỷ luật, quyết định hình thức kỷ luật và gửi hồ sơ, quyết định kỷ luật về cơ quan quản lý công chức, viên chức biệt phái.

Đối với công chức, viên chức đã chuyển công tác mới phát hiện có hành vi vi phạm pháp luật mà còn trong thời hiệu quy định thì người đứng đầu có quan quản lý công chức, viên chức trước đây tiến hành xử lý kỷ luật, quyết định hình thức kỷ luật và gửi hồ sơ, quyết định kỷ luật về cơ quan đang quản lý công chức, viên chức...

Đồng thời, Bộ Nội vụ cũng đề xuất trong dự thảo Nghị định về trình tự, thủ tục xử lý kỷ luật gồm: thông báo xử lý kỷ luật; tổ chức họp kiểm điểm cán bộ, công chức, viên chức có hành vi vi phạm pháp luật; hội đồng kỷ luật; thành phần hội đồng kỷ luật; tổ chức họp hội đồng kỷ luật và quyết định kỷ luật.

Bên cạnh có, dự thảo Nghị định cũng quy định chi tiết các quy định khác liên quan đến kỷ luật gồm: các quy định liên quan khi xem xét xử lý kỷ luật; các quy định liên quan đến việc thi hành quyết định kỷ luật; chế độ, chính sách đối với cán bộ, công chức, viên chức có hành vi vi phạm pháp luật đang trong thời gian tạm giữ, tạm giam, tạm đình chỉ công tác và tạm đình chỉ chức vụ; khiếu nại.

Các dự thảo Nghị định này đang được Bộ Nội vụ đăng tải xin ý kiến tổ chức, cá nhân tại mục **“Lấy ý kiến Nhân dân về dự thảo văn bản quy phạm pháp luật”** trên cổng thông tin điện tử Bộ Nội vụ.

*Nguồn: moha.gov.vn*

## **HÀ NỘI: THỰC HIỆN RÀ SOÁT, SẮP XẾP TỔ CHỨC BỘ MÁY TINH GỌN, HIỆU QUẢ**

Ngày 21/02/2020, Sở Nội vụ thành phố Hà Nội ban hành Công văn số 381/SNV-TCBC về việc thực hiện rà soát, sắp xếp tổ chức bộ máy tinh gọn, hiệu quả.

Theo đó, Sở Nội vụ đề nghị thủ trưởng các sở, ban, ngành, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các quận, huyện, thị xã và thủ trưởng đơn vị sự nghiệp trực thuộc Ủy ban nhân dân thành phố tiếp tục rà soát, sắp xếp, kiện toàn tổ chức bộ máy cơ quan, đơn vị tinh gọn, hiệu quả.

Cụ thể là: Báo cáo thực trạng tổ chức bộ máy các phòng, ban, đơn vị thuộc và trực thuộc; đánh giá hiệu quả hoạt động; làm rõ những nhiệm vụ còn chồng chéo trong quá trình thực hiện, chưa bảo đảm nguyên tắc một việc một đầu mối xuyên suốt và đề xuất, điều chỉnh (nếu có). Rà soát chức năng, nhiệm vụ của cơ quan, đơn vị theo các văn bản của Trung ương và quy định của Ủy ban nhân dân thành phố, xác định những nhiệm vụ còn trùng chéo với cơ quan khác và đề xuất, kiến nghị.

Đối với các Trung tâm đào tạo, bồi dưỡng trực thuộc các Sở: đề nghị đánh giá hiệu quả hoạt động, đề xuất hướng sáp nhập vào các trường Trung cấp nghề thuộc Sở Lao động – Thương binh và Xã hội hoặc các trường Đại học, Cao đẳng trực thuộc Ủy ban nhân dân thành phố đảm bảo phù hợp theo ngành nghề, lĩnh vực. Trường hợp giữ nguyên, có báo cáo phân tích, giải trình cụ thể.

### **\* Tinh gọn bộ máy “Hiệu quả từ cách làm đồng bộ”**

Theo nhận định được đưa ra tại cuộc tổng kết công tác tổ chức xây dựng Đảng năm 2019, triển khai nhiệm vụ năm 2020 vừa qua, việc đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị theo tinh thần Nghị quyết số 18-NQ/TW gắn chặt với việc tiếp tục thực hiện Nghị quyết số 39-NQ/TW ngày 17/4/2015 của Bộ Chính trị khóa XI về tinh giản biên chế và cơ cấu lại đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức, qua 2 năm thực hiện, Nghị quyết đã đem lại những kết quả rất tích cực.

Thống kê của ngành Tổ chức xây dựng Đảng cũng cho thấy, tại thành phố Hà Nội, qua kiện toàn, sắp xếp đã giảm 5/17 ban chỉ đạo do Ban Thường vụ Thành ủy thành lập, giảm 74/102 ban chỉ đạo thuộc Ủy ban nhân dân thành phố. Sắp xếp các phòng, ban chuyên môn thuộc các sở, ngành, giảm từ 204 phòng xuống 159 phòng, giảm 26 Trưởng phòng, 116 Phó Trưởng phòng. TP. Hà Nội đã sắp xếp 5 Ban Quản lý dự án từ 26 Ban: giảm 73/108 phòng (67,6%), 177/308 lãnh đạo Trưởng, Phó đơn vị và Trưởng, Phó phòng (57,5%), giảm 143/839 biên chế và giảm được 7/23 trụ sở làm việc (30,4%).

Trong năm 2019, Thành ủy Hà Nội tiếp tục chỉ đạo rà soát chức năng, nhiệm vụ; sắp xếp, kiện toàn tổ chức bộ máy các ban Đảng, Văn phòng Thành ủy và Trường Đào tạo cán bộ Lê Hồng Phong; hoàn thành việc sắp xếp tổ chức bộ máy Ban Bảo vệ, chăm sóc sức khỏe cán bộ

thành phố.... Đến nay, đã giảm 10 đơn vị sự nghiệp trực thuộc Thành ủy và các đoàn thể chính trị xã hội thành phố; giảm 130 đơn vị sự nghiệp trực thuộc sở; giảm 110 đơn vị sự nghiệp trực thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện. Kiện toàn, sắp xếp lại tổ chức bộ máy, đẩy mạnh sang tự chủ đã góp phần nâng cao hiệu quả hoạt động của đơn vị sự nghiệp công lập; tinh thần trách nhiệm, thái độ phục vụ, chất lượng dịch vụ, sự hài lòng của Nhân dân được nâng lên; thu nhập, đời sống của đội ngũ cán bộ, viên chức, nhân viên ngày càng tốt hơn; nổi bật là khối y tế của thành phố.

Thực tiễn cũng cho thấy, với nguyên tắc rất rõ ràng, phân công đúng vị trí việc làm; cán bộ lãnh đạo sau sắp xếp không còn giữ nguyên chức vụ sẽ được bảo lưu phụ cấp chức vụ lãnh đạo và ưu tiên xem xét bổ nhiệm khi có điều kiện, vị trí thích hợp, sau thời gian sắp xếp lại, từ thành phố đến cấp cơ sở hầu như không nhận được đơn thư khiếu nại. Đáng mừng, thu nhập ở nhiều cơ quan dân khởi sắc, đời sống người lao động được nâng lên. Đây chính là cái đích của công tác sắp xếp. Điều này thấy rõ ở khối y tế, như Bệnh viện Phụ sản Hà Nội, Bệnh viện Tim Hà Nội, một số trung tâm y tế...

Năm 2020, ngành Tổ chức xây dựng Đảng toàn quốc cũng như TP. Hà Nội xác định, tiếp tục tinh giản biên chế gắn với cơ cấu lại đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức trong hệ thống chính trị phù hợp với tình hình thực tế, khắc phục cho được khuynh hướng thụ động, trông chờ hoặc chủ quan, nóng vội. Cùng với đó tiếp tục thu gọn đầu mối, giảm cấp trung gian; giảm tỷ lệ người phục vụ; cơ cấu lại đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức, nâng cao chất lượng, hiệu lực, hiệu quả hoạt động. Trong quá trình thực hiện, làm tốt công tác tư tưởng, giải quyết chế độ, chính sách đối với các đối tượng chịu tác động trực tiếp bởi việc sắp xếp lại tổ chức bộ máy, tinh giản biên chế. Việc xây dựng hệ thống danh mục, bản mô tả vị trí việc làm cán bộ, công chức, viên chức tiến tới trả lương cán bộ, công chức, viên chức theo vị trí việc làm vào năm 2021 cũng được nhấn mạnh.

*Nguồn: hanoimoi.com.vn/kinhthedohti.vn*

## THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH: TRÊN 90% HỒ SƠ ĐĂNG KÝ DOANH NGHIỆP PHẢI GIẢI QUYẾT TRỰC TUYẾN

Trong Kế hoạch thực hiện công tác cải cách hành chính năm 2020 do Ủy ban nhân dân TP. Hồ Chí Minh vừa ban hành, tỷ lệ hồ sơ đăng ký doanh nghiệp được giải quyết trực tuyến mức độ 3, 4 từ 90% trở lên.

Kế hoạch nhằm cải thiện chỉ số hài lòng của người dân và tổ chức đối với sự phục vụ của cơ quan hành chính. Nhiệm vụ trọng tâm là nâng cao văn hóa công sở, văn hóa công vụ, nâng cao ý thức thái độ phục vụ người dân, doanh nghiệp.

Theo đó, tỷ lệ hồ sơ đăng ký doanh nghiệp được giải quyết trực tuyến mức độ 3, 4 từ 90% trở lên; tỷ lệ khi giải quyết thủ tục hành chính và sử dụng dịch vụ công trong lĩnh vực giáo dục và y tế từ 85% trở lên.

Tỷ lệ cơ quan nhà nước công khai mức độ hài lòng của người dân khi sử dụng dịch vụ công trực tuyến từ 50% cơ quan trở lên. 100% đơn vị đạt tỷ lệ hồ sơ giải quyết đúng hạn trong từng lĩnh vực từ trên 90%, trong đó ít nhất 70% đơn vị đạt tỷ lệ hồ sơ giải quyết đúng hạn trong từng lĩnh vực từ trên 95%. 100% hồ sơ giải quyết thủ tục hành chính được thực hiện thông qua hệ thống thông tin một cửa điện tử của thành phố...

Đối với việc thực hiện tiếp nhận hồ sơ, trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính qua dịch vụ bưu chính công ích, tỷ lệ thủ tục hành chính đã triển khai có phát sinh hồ sơ tiếp nhận hoặc trả kết quả giải quyết qua dịch vụ bưu chính công ích là 50%; tỷ lệ hồ sơ thủ tục hành chính được tiếp nhận qua dịch vụ bưu chính công ích là 10% và tỷ lệ kết quả giải quyết thủ tục hành chính trả qua dịch vụ bưu chính công ích là 10%.

100% cơ quan hành chính có cơ cấu cán bộ, công chức theo Đề án vị trí việc làm được duyệt. 100% văn bản, tài liệu giải quyết công việc trao đổi giữa các cơ quan hành chính được thực hiện dưới dạng điện tử (trừ những văn bản mật và những văn bản phải trao đổi bằng văn bản giấy). 100% cán bộ, công chức lãnh đạo, quản lý sử dụng thường xuyên hệ thống thư điện tử công vụ trong công việc.

Cũng theo kế hoạch này, TP. Hồ Chí Minh sẽ tổ chức kiểm tra định kỳ và đột xuất tối thiểu 30% các đơn vị, đặc biệt, kiểm tra đột xuất trách nhiệm người đứng đầu trong chỉ đạo, điều hành công tác cải cách hành chính, kiểm tra thực hiện quy tắc ứng xử; đề xuất xử lý nghiêm các hành vi nhũng nhiễu, gây khó khăn cho người dân và doanh nghiệp của cán bộ - công chức, viên chức trong thi hành công vụ.

*Nguồn: haiquanonline.com.vn*

## BÌNH DƯƠNG: TIẾP TỤC BỨT PHÁ VỀ CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH

Kết quả đạt được trong công tác cải cách hành chính năm 2019 và cả giai đoạn 2016 - 2019 của tỉnh Bình Dương là khá toàn diện, đã tác động tích cực vào hoạt động quản lý điều hành, nâng cao hiệu quả, hiệu lực hoạt động của bộ máy chính quyền, cơ quan hành chính Nhà nước các cấp; ổn định, tăng trưởng kinh tế của tỉnh, giữ vững an ninh trật tự, an toàn xã hội; môi trường đầu tư kinh doanh có nhiều khởi sắc và nhận được sự tin tưởng của người dân, cộng đồng doanh nghiệp vào chính quyền. Có được kết quả đó là do tỉnh đã chú trọng công tác tuyên truyền về cải cách hành chính. Thông qua các kênh thông tin tuyên truyền đã góp phần nâng cao nhận thức của đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức, cộng đồng doanh nghiệp và các tầng lớp Nhân dân về mục tiêu, ý nghĩa và lợi ích cải cách hành chính mang lại.

Ủy ban nhân dân tỉnh chú trọng công tác cải cách thể chế, xây dựng văn bản quy phạm pháp luật chặt chẽ, bảo đảm trình tự, thủ tục, thể thức, kỹ thuật trình bày văn bản theo quy định của pháp luật. Các hoạt động về kiểm soát, đánh giá thủ tục hành chính được thực hiện



thường xuyên. Qua đó đã kiến nghị cấp có thẩm quyền đơn giản hóa, cắt giảm hoặc bãi bỏ các thủ tục hành chính không thật sự cần thiết, gây khó khăn cho người dân, doanh nghiệp.

Các thủ tục hành chính sau khi công bố được công khai, minh bạch về thành phần hồ sơ, quy trình giải quyết, phí, lệ phí và thời gian giải quyết... đã tạo thuận lợi cho người dân, doanh nghiệp trong sử dụng dịch vụ công. Cơ chế một cửa, một cửa liên thông được triển khai toàn diện, đồng bộ ở cả 3 cấp chính quyền.

Để hoàn thành tốt công tác cải cách hành chính năm 2020, góp phần hoàn thành mục tiêu Kế hoạch cải cách hành chính Nhà nước giai đoạn 2016 - 2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh, các ngành, các cấp cần tập trung thực hiện một số nhiệm vụ, như: Tiếp tục triển khai thực hiện việc xây dựng, góp ý, thẩm định, rà soát hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật, đáp ứng nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội và hoàn thiện hệ thống pháp luật của tỉnh; rà soát, đơn giản hóa thủ tục hành chính trên tất cả các lĩnh vực, trọng tâm là lĩnh vực đầu tư, thành lập doanh nghiệp, đất đai, môi trường, xây dựng, thuế, hải quan; loại bỏ những thủ tục hành chính phức tạp, gây phiền hà cho cá nhân, tổ chức; công bố công khai, kịp thời, đầy đủ thủ tục hành chính theo quy định; thực hiện tiếp nhận và xử lý phản ánh, kiến nghị của cá nhân, tổ chức về các quy định thủ tục hành chính.

Cùng với đó các ngành, các cấp cần đẩy mạnh tuyên truyền về cải cách hành chính, trong đó tập trung tuyên truyền về quy trình, cách thức thực hiện các dịch vụ công trực tuyến mức độ 3 và 4, tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính qua dịch vụ bưu chính công ích để người dân biết thực hiện; mở rộng triển khai thí điểm thành lập trung tâm hành chính công cấp huyện, đầu tư nâng cao chất lượng hoạt động của Bộ phận một cửa cấp xã tăng số thủ tục hành chính liên thông trên các lĩnh vực quản lý nhà nước, đặc biệt là liên thông đến cấp xã; rà soát chức năng, nhiệm vụ, kiện toàn, sắp xếp lại tổ chức bộ máy các cơ quan chuyên môn cấp tỉnh, cấp huyện, bảo đảm không chồng chéo nhiệm vụ theo đúng quy định của Chính phủ, các Bộ, ngành Trung ương; triển khai kịp thời, hiệu quả Nghị quyết số 18-NQ/TW, số 19-NQ/TW của Ban Chấp hành Trung ương Đảng; đồng thời, tiếp tục đẩy mạnh cải cách chế độ công vụ, công chức, triển khai tổ chức thi tuyển các chức danh lãnh đạo, quản lý; tiếp tục thực hiện tinh giản biên chế, cổ phần hóa đối với doanh nghiệp Nhà nước của tỉnh theo lộ trình đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

Tiếp tục triển khai hiệu quả các phần mềm quản lý văn bản, phần mềm một cửa điện tử, phần mềm đánh giá công chức bộ phận một cửa. Bên cạnh đó, cần xây dựng và nâng cao hiệu quả hoạt động của Hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn TCVN ISO 9001:2008 hoặc TCVN ISO 9001:2015 trong các cơ quan hành chính Nhà nước; khuyến khích Ủy ban nhân dân cấp xã xây dựng và áp dụng hệ thống; triển khai xác định Chỉ số cải cách hành chính cấp tỉnh và phối hợp điều tra xã hội học đo lường sự hài lòng quốc gia; tiếp tục triển khai đánh giá xác định Chỉ số cải cách hành chính đối với các sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân các huyện, thị, thành phố và Ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn trên địa bàn tỉnh...

*Nguồn: baobinhduong.vn*

## LONG AN: TĂNG CƯỜNG THỰC HIỆN CHÍNH QUYỀN ĐIỆN TỬ

Thời gian qua, tỉnh Long An triển khai, thực hiện xây dựng chính quyền điện tử đạt nhiều kết quả. Tỉnh hoàn thành đầu tư nâng cấp Trung tâm tích hợp dữ liệu theo quy chuẩn của Bộ Thông tin và Truyền thông; mạng truyền số liệu chuyên dùng được kết nối đồng bộ đến 100% sở, ngành, Ủy ban nhân dân cấp huyện, xã phục vụ triển khai các ứng dụng công nghệ thông tin dùng chung của tỉnh. Đến nay, có hơn 97% cán bộ, công chức, viên chức các cấp trong tỉnh được trang bị máy tính phục vụ công tác; 100% sở, ngành, Ủy ban nhân dân cấp huyện triển khai mạng nội bộ. Phần mềm Quản lý văn bản và điều hành đã được tỉnh triển khai đồng bộ, đến tất cả cơ quan nhà nước từ tỉnh đến xã, phường và công chức, viên chức. Phần mềm một cửa điện tử được triển khai tại Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh, 17 sở, ngành, 15 Ủy ban nhân dân cấp huyện, 192 xã, phường phục vụ tiếp nhận, luân chuyển, giải quyết hồ sơ thủ tục hành chính trên môi trường mạng...

Thời gian tới, tỉnh tiếp tục hoàn thành các chỉ tiêu, nhiệm vụ ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động của cơ quan nhà nước năm 2020; xây dựng kế hoạch Chính quyền điện tử và phát triển dịch vụ đô thị thông minh tỉnh Long An giai đoạn 2020 - 2025. Để triển khai, tỉnh chỉ đạo các sở, ngành đẩy nhanh tiến độ xây dựng Trung tâm giám sát, điều hành an toàn thông tin (SOC) của tỉnh Long An; tuyên truyền về ứng dụng công nghệ, dịch vụ công trực tuyến cho cán bộ công chức và người dân; rà soát trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt “Đề án tổng thể phát triển dịch vụ đô thị thông minh trên địa bàn tỉnh Long An giai đoạn 2020 - 2025 và định hướng đến năm 2030” làm cơ sở tổ chức thực hiện.

*Nguồn: ttxvn*

## ĐỒNG THÁP: CÔNG BỐ CHỈ SỐ NĂNG LỰC CẠNH TRANH VÀ CHỈ SỐ CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH CỦA CÁC SỞ, NGÀNH, ỦY BAN NHÂN DÂN CẤP HUYỆN

### \* Chỉ số năng lực cạnh tranh của các sở, ngành, UBND cấp huyện

Lần đầu tiên tỉnh Đồng Tháp tổ chức đánh giá năng lực cạnh tranh đối với các sở, ngành và Ủy ban nhân dân cấp huyện (DDCI) để lắng nghe ý kiến của doanh nghiệp về chính quyền, nhằm tiếp tục xây dựng bộ máy năng động, hoạt động hiệu lực, hiệu quả, luôn đồng hành cùng doanh nghiệp trên tinh thần cầu thị nhất.

Khảo sát DDCI tỉnh Đồng Tháp được triển khai trên 1.150 doanh nghiệp, hộ kinh doanh, hợp tác xã đang hoạt động sản xuất kinh doanh trên địa bàn tỉnh trong vòng 02 tháng (từ tháng 8 đến tháng 10 năm 2019).

Qua kết quả khảo sát cho thấy sự đánh giá tích cực của cộng đồng doanh nghiệp đối với các sở, ngành thuộc tỉnh và Ủy ban nhân dân cấp huyện. Theo đó, điểm số DDCI trung bình của các sở, ngành đạt 71,12/100 điểm, không có đơn vị nào có điểm số dưới trung bình (50 điểm). Đứng đầu bảng xếp hạng các sở, ngành là Công an tỉnh với 74,34 điểm (thuộc nhóm “rất tốt”); tiếp theo là Cục Thuế tỉnh và Sở Kế hoạch và Đầu tư với điểm số lần lượt là 72,83 và 72,78 (thuộc nhóm “tốt”).

Là đơn vị duy nhất của tỉnh được xếp vào nhóm “rất tốt”, trong thời gian qua, Công an tỉnh đã mạnh dạn cắt giảm chi phí, thời gian giải quyết thủ tục hành chính, quan tâm tiếp nhận và phản hồi ý kiến phản ánh của công dân qua đường dây nóng. Bên cạnh đó, đơn vị cũng thực hiện nhiều giải pháp nhằm đảm bảo an ninh trật tự các khu công nghiệp, mở các đợt cao điểm tấn công, trấn áp tội phạm, nhất là tín dụng đen.

Đối với 12 huyện, thị xã, thành phố, điểm số trung vị là 64,65/100 điểm, không có đơn vị nào có điểm số dưới trung bình. Dẫn đầu là thành phố Sa Đéc với 65,96 điểm, vị trí tiếp theo là huyện Lai Vung với 65,76 điểm. Đây là 02 địa phương được các doanh nghiệp xếp vào nhóm “tốt”.

Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh yêu cầu lãnh đạo các sở, ngành và địa phương tập trung phát huy những điểm mạnh của mình đồng thời khắc phục ngay những mặt còn hạn chế, chưa đáp ứng nhu cầu của doanh nghiệp. Cụ thể, như nhóm sở, ngành cần tập trung cải thiện 02 chỉ số thành phần là cạnh tranh bình đẳng và chi phí không chính thức. Đối với nhóm địa phương cần tập trung vào 03 nội dung gồm: tính minh bạch và tiếp cận thông tin, cạnh tranh bình đẳng, tính năng động.

#### **\* Chỉ số cải cách hành chính chuyển biến tích cực và rõ nét**

Vừa qua, Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Tháp đã tổ chức Hội nghị công bố chỉ số cải cách hành chính đối với các sở, ngành và Ủy ban nhân dân cấp huyện năm 2019, với kết quả đạt được của các sở, ngành và Ủy ban nhân dân cấp huyện cho thấy công tác cải cách hành chính có nhiều chuyển biến tích cực và rõ nét.

Trong những năm qua, tỉnh Đồng Tháp luôn kiên trì thực hiện mục tiêu xây dựng chính quyền kiến tạo, phục vụ với nhiều mô hình mới như: Tổng đài Thông tin dịch vụ công 1022, Mô hình “Giải quyết thủ tục hành chính 04 tại chỗ trong 01 ngày” đối với 23 thủ tục về thành lập và hoạt động của doanh nghiệp; đẩy mạnh thực hiện các thủ tục liên thông; sắp xếp, tinh gọn tổ chức bộ máy các cấp,..... Các mô hình này đã góp phần nâng cao thứ hạng các chỉ số như năng lực cạnh tranh, cải cách hành chính, chỉ số hài lòng đồng thời tạo dựng niềm tin, đáp ứng sự kỳ vọng của Nhân dân, doanh nghiệp về hiệu quả hoạt động quản lý, điều hành.

Kết quả đánh giá Chỉ số cải cách hành chính năm 2019 cho thấy sự nỗ lực rất lớn của các sở, ngành tỉnh và Ủy ban nhân dân cấp huyện, đặc biệt là các đơn vị dẫn đầu có sự cải thiện rõ nét so với năm trước.

Theo đó, Sở Y tế đã vượt lên vị trí dẫn đầu bảng xếp hạng với 88,39%; Sở Khoa học và Công nghệ, Sở Nội vụ đã vươn lên 9 hạng để xếp thứ 2 và thứ 3 trong bảng xếp hạng. Ở

cấp huyện, huyện Hồng Ngự đã vượt lên vị trí đầu bảng xếp hạng với 90,11%, kế đến là huyện Châu Thành và huyện Tam Nông với điểm số lần lượt là 82,66% và 77,12%.

Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Nguyễn Văn Dương nhấn nhủ đến cán bộ, công chức, viên chức với thông điệp “Bớt nói suông, tăng làm thật”.

Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh mong muốn mỗi cán bộ, công chức, viên chức phải thấy được trách nhiệm của mình đối với xã hội, với người dân, những công việc dù nhỏ nhất cũng phải chăm chút thực hiện bằng tất cả tinh thần trách nhiệm của mình. Một hành động dù là nhỏ nhất nhưng để giúp cho người dân tiện lợi hơn thì cán bộ, công chức, viên chức phải suy nghĩ để làm cho bằng được, chứ không phải chỉ là những việc lớn về thể chế, về cơ chế chính sách.

Tại Hội nghị, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh đã trao tặng 02 cờ thi đua đối với hai đơn vị dẫn đầu chỉ số cải cách hành chính sở, ngành và Ủy ban nhân dân cấp huyện, 03 Bằng khen tập thể và 25 Bằng khen đối với cá nhân đã có nhiều đóng góp tích cực cho công tác cải cách hành chính năm 2019./.

*Minh Thủy, Sở Nội vụ tỉnh Đồng Tháp*

## **SÓC TRĂNG: CÔNG BỐ CHỈ SỐ CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH VÀ CHỈ SỐ HÀI LÒNG VỀ SỰ PHỤC VỤ HÀNH CHÍNH NĂM 2019 CỦA CÁC CƠ QUAN, ĐƠN VỊ TRONG TỈNH**

Ngày 20/02/2020, Ủy ban nhân dân tỉnh Sóc Trăng ban hành Quyết định số 341/QĐ-UBND về việc phê duyệt và công bố Chỉ số cải cách hành chính và Chỉ số đo lường sự hài lòng của người dân đối với sự phục vụ của các cơ quan, đơn vị trên địa bàn tỉnh Sóc Trăng năm 2019.

Chỉ số cải cách hành chính năm 2019 đánh giá đối với 46 đơn vị theo 04 nhóm gồm sở ngành; Ủy ban nhân dân cấp huyện; các đơn vị sự nghiệp công lập tỉnh và các cơ quan Trung ương đóng trên địa bàn tỉnh, trong đó 40/46 đơn vị thực hiện đánh giá và xếp hạng, 06/46 đơn vị thực hiện đánh giá nhưng không xếp hạng.

Theo kết quả công bố, Sở Giao thông vận tải dẫn đầu trong nhóm Chỉ số cải cách hành chính của các sở ngành, với tỷ lệ 90,05%, xếp loại xuất sắc. Có 08 đơn vị xếp loại tốt, đạt điểm từ 80% trở lên gồm Sở Tư pháp, Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Nội vụ, Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch, Sở Tài nguyên và Môi trường, Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Sở Tài chính; Sở Khoa học và Công nghệ. 11 đơn vị còn lại đều xếp loại khá với tỷ lệ điểm đạt từ 65% trở lên, không có đơn vị có tỷ lệ điểm trung bình và dưới trung bình.

Đối với Chỉ số cải cách hành cấp huyện, có 09/11 đơn vị cấp huyện đạt tỷ lệ điểm xếp loại khá gồm thị xã Vĩnh Châu, các huyện Long Phú, Cù Lao Dung, Mỹ Xuyên, Thạnh Trị, Kế Sách, Trần Đề, thành phố Sóc Trăng, huyện Mỹ Tú và 02/11 đơn vị đạt tỷ lệ điểm trung bình gồm huyện Châu Thành và thị xã Ngã Năm.

Về kết quả Chỉ số cải cách hành chính các cơ quan Trung ương đóng tại tỉnh, có 04/06 đơn vị tham gia đánh giá và xếp hạng Chỉ số đạt mức xếp loại tốt gồm Chi cục Hải quan, Kho bạc nhà nước tỉnh, Công an tỉnh, Cục Thuế tỉnh; 02/06 đơn vị đạt mức xếp loại khá gồm Ngân hàng nhà nước Việt Nam - Chi nhánh tỉnh Sóc Trăng, Bảo hiểm xã hội tỉnh.

Trong số 04 đơn vị tham gia đánh và xếp hạng Chỉ số cải cách hành chính của các đơn vị sự nghiệp công lập tỉnh thì cả 04 đơn vị đều đạt tỷ lệ điểm xếp loại tốt trở lên (từ 80% trở lên), trong có 01/04 đơn vị đạt tỷ lệ điểm xuất sắc là Ban Quản lý dự án 2 với tỷ lệ 95,33% và 03/04 đơn vị đạt mức xếp loại tốt gồm Ban Quản lý dự án 1 (84,81%), Trường Cao đẳng Nghề (83,19%) và Trường Cao đẳng Cộng đồng Sóc Trăng (82,33%).

Chỉ số đo lường sự hài lòng của người dân đối với sự phục vụ của các cơ quan, đơn vị trên địa bàn tỉnh Sóc Trăng lần này cũng ghi nhận nhiều tín hiệu tích cực. Trong tổng số 43 đơn vị được khảo sát, đánh giá thì có đến 38/43 đơn vị đạt tỷ lệ hài lòng từ 80% trở lên, nhất là có đến 04 đơn vị đạt kết quả tuyệt đối với tỷ lệ 100% gồm Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Ngân hàng nhà nước Việt Nam - Chi nhánh tỉnh Sóc Trăng, Ban Quản lý dự án 1 và Ban Quản lý dự án 2.

Đây là năm thứ ba liên tiếp tỉnh Sóc Trăng thực hiện lồng ghép kết quả Chỉ số đo lường sự hài lòng của người dân đối với sự phục vụ của các cơ quan, đơn vị trên địa bàn tỉnh vào tiêu chí đánh giá Chỉ số cải cách hành chính để tạo sự gắn kết thống nhất giữa hai Chỉ số. Giá trị trung bình Chỉ số cải cách hành chính của các cơ quan, đơn vị trên địa bàn tỉnh năm 2019 vẫn duy trì tỷ lệ điểm ở mức khá 73,42% nhưng có phần cải thiện so với năm 2018 (70,74%), tăng 2,68%. Cụ thể, giá trị trung bình Chỉ số cải cách hành chính của các sở ngành đạt với tỷ lệ 78,16%, các cơ quan Trung ương đóng tại tỉnh đạt 72,62%, các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc tỉnh đạt 71,48% và Ủy ban nhân dân cấp huyện đạt 71,43%.

Để cải thiện Chỉ số cải cách hành chính năm 2020 và những năm tiếp theo, Ủy ban nhân dân tỉnh đã chỉ đạo thủ trưởng các sở, ngành, đơn vị sự nghiệp công lập thuộc tỉnh, cơ quan Trung ương đóng trên địa bàn tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố căn cứ kết quả công bố, xếp loại Chỉ số cải cách hành chính năm 2019 tổ chức đánh giá, quán triệt, rút kinh nghiệm; đồng thời triển khai các giải pháp nâng cao hiệu quả cải cách hành chính. Kết quả chi tiết cũng được chỉ đạo đăng tải công khai trên Trang thông tin điện tử cải cách hành chính của tỉnh./.

*Kim Hằng, Sở Nội vụ tỉnh Sóc Trăng*

# TĂNG CƯỜNG NHẬN THỨC VÀ GIẢI PHÁP VỀ HOÀN THIỆN MÔ HÌNH TỔNG QUÁT CỦA HỆ THỐNG CHÍNH TRỊ VIỆT NAM

## 1. Một số vấn đề lý luận về tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị

Từ Hội nghị Trung ương 6 khóa VI (3/1989), Đảng ta dùng khái niệm “hệ thống chính trị” thay cho khái niệm “hệ thống chuyên chính vô sản”. Đó là bước phát triển mới trong nhận thức lý luận về hệ thống chính trị trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội. Đại hội XII chỉ rõ: “Tiếp tục đổi mới bộ máy của Đảng và hệ thống chính trị theo hướng tinh gọn, nâng cao hiệu lực, hiệu quả lãnh đạo, chỉ đạo, điều hành”. Gần đây, Hội nghị Trung ương 5 khóa XII nhấn mạnh: phải đổi mới, hoàn thiện tổ chức bộ máy, cán bộ của toàn hệ thống chính trị; giải quyết tốt quan hệ giữa nhà nước, thị trường, xã hội phù hợp với kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa.

Bên cạnh những kết quả quan trọng và những bước tiến về nhận thức, để đẩy mạnh đổi mới tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả hiện nay cần nhận thức rõ hơn một số vấn đề lý luận sau đây:

Một là, nhận thức về tính chất, yêu cầu, đặc điểm của hệ thống chính trị trong các giai đoạn cách mạng theo quan điểm lịch sử, cụ thể.

Trong quá trình đấu tranh giành và bảo vệ nền độc lập dân tộc, ở nước ta đã hình thành đồng thời 3 “tiểu hệ thống”: tổ chức đảng - bộ máy nhà nước - Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội từ Trung ương đến cơ sở. Ba “tiểu hệ thống” này có nhiều điểm tương đồng về cơ cấu tổ chức, về mục tiêu, nhiệm vụ. Từ năm 1975 đến nay, đặc biệt là trong công cuộc đổi mới, tình hình đất nước và nhiệm vụ cách mạng đã có những thay đổi rất cơ bản[1]. Tình hình quốc tế và khu vực đã có rất nhiều sự đổi thay, đặt ra những yêu cầu mới. Nhận thức chưa đầy đủ về những yêu cầu có tính nguyên tắc về sự cần thiết phải đổi mới phương thức lãnh đạo của Đảng, tổ chức của hệ thống chính trị, xây dựng đội ngũ cán bộ phù hợp với yêu cầu, điều kiện của từng thời kỳ, giai đoạn cách mạng đã dẫn tới sự chậm trễ, bất cập trong quá trình đổi mới. Những đổi mới được tiến hành về phương thức lãnh đạo của Đảng, tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị trong hơn 30 năm qua, về cơ bản vẫn mang tính bộ phận, thiếu hệ thống, không đồng bộ, nên không tạo được đột phá, dẫn đến trì trệ, làm phát sinh rất nhiều “tật bệnh”.

Hai là, nhận thức về tính chất, đặc điểm của một đảng duy nhất cầm quyền.

Trong điều kiện một đảng duy nhất cầm quyền, toàn bộ hệ thống chính trị đều do Đảng lập ra, đặt dưới sự lãnh đạo của Đảng, đều là “của Đảng”... Nhận thức về tính chất, đặc điểm này chưa đầy đủ, chuẩn xác đã dẫn đến hai khuynh hướng: Đảng bao biện, làm thay, lấn sân trong chỉ đạo thực tiễn; hoặc tuyệt đối hóa sự khác biệt về chức năng, nhiệm vụ của các tổ chức trong hệ thống chính trị, làm cho sự lãnh đạo của Đảng bị chia cắt, thiếu sức mạnh; xuất hiện sự thiếu thống nhất trong xử lý quan hệ giữa Đảng và Nhà nước. Hậu quả là làm giảm

vai trò lãnh đạo của Đảng đối với hệ thống chính trị và xã hội, hạn chế vai trò của mỗi tổ chức trong hệ thống chính trị; tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị công kênh, chồng chéo về chức năng, nhiệm vụ. Xuất hiện các biểu hiện quan liêu, cục bộ (địa phương, ngành, cơ quan), mất dân chủ, mất đoàn kết trong cả cơ quan đảng và nhà nước.

Ba là, nhận thức về sự phù hợp, đồng bộ giữa thể chế kinh tế và thể chế chính trị, thiết chế xã hội.

Kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, xã hội thông tin và dân chủ hóa đã và đang đặt ra những vấn đề mới về lý luận, thực tiễn đối với phương thức lãnh đạo của Đảng và tổ chức bộ máy, hoạt động của hệ thống chính trị, nhưng chưa được nghiên cứu và giải quyết thấu đáo. Nhận thức chưa đầy đủ về các mối quan hệ Nhà nước - thị trường - xã hội dẫn đến tình trạng Đảng và hệ thống chính trị ôm đồm, can thiệp, bao biện làm thay thị trường, xã hội, làm cho bộ máy thêm công kênh, nhiều sơ hở, hoạt động kém hiệu quả; dẫn đến sự thiếu đồng bộ kéo dài giữa thể chế kinh tế, thể chế chính trị và thiết chế xã hội, làm chậm quá trình phát triển đất nước.

## **2. Thực tiễn về tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị hiện nay**

Trong những năm qua, Đảng ta đã ban hành và lãnh đạo, chỉ đạo tổ chức thực hiện nhiều chủ trương, nghị quyết, kết luận về xây dựng tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị, đạt được nhiều kết quả quan trọng.

Hệ thống tổ chức của Đảng, Nhà nước, Mặt trận Tổ quốc, các đoàn thể chính trị - xã hội được đổi mới; chức năng, nhiệm vụ, mối quan hệ công tác của từng tổ chức được phân định, điều chỉnh hợp lý hơn, từng bước đáp ứng yêu cầu xây dựng, hoàn thiện Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa và phát triển kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa.

Hệ thống chính trị cơ bản ổn định, phù hợp với Cương lĩnh và Hiến pháp; bảo đảm vai trò lãnh đạo của Đảng, quản lý của Nhà nước, phát huy quyền làm chủ của Nhân dân, góp phần quan trọng vào những thành tựu to lớn, có ý nghĩa lịch sử của công cuộc đổi mới, xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

Bên cạnh những ưu điểm trên, tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị vẫn còn công kênh, nhiều tầng nấc, nhiều đầu mối; hiệu lực, hiệu quả hoạt động chưa đáp ứng yêu cầu, nhiệm vụ. Chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, tổ chức bộ máy, mối quan hệ của một số cơ quan, tổ chức chưa thật rõ, còn chồng chéo, trùng lặp... Việc phân công, phân cấp, phân quyền giữa các ngành, các cấp và trong từng cơ quan, tổ chức chưa hợp lý, mạnh mẽ và đồng bộ; còn tình trạng bao biện, làm thay hoặc bỏ sót nhiệm vụ. Kịch bản tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị gắn với tinh giản biên chế, cơ cấu lại đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức đạt kết quả thấp; tỷ lệ người phục vụ cao, nhất là ở khối văn phòng; số lãnh đạo cấp phó nhiều; việc bổ nhiệm cấp “hàm” ở một số cơ quan Trung ương chưa hợp lý. Cơ chế kiểm soát quyền lực hiệu quả chưa cao; việc công khai, minh bạch và trách nhiệm giải trình còn hạn chế. Cải cách hành chính, nhất là cải cách thủ tục hành chính chuyển biến chậm, không đồng bộ, chưa đáp ứng yêu cầu. Tuy đã quan tâm đầu tư nhiều cho kết cấu hạ tầng công nghệ thông tin phục vụ quản lý nhưng hiệu quả tác động vào việc tinh gọn tổ chức bộ máy, nâng cao hiệu lực, hiệu

quả hoạt động và tinh giản biên chế chưa tương xứng. Số người hưởng lương, phụ cấp từ ngân sách nhà nước rất lớn, nhất là ở các đơn vị sự nghiệp công lập, người hoạt động không chuyên trách cấp xã và ở thôn, tổ dân phố; chính sách tiền lương còn bất cập.

Chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, trách nhiệm, mối quan hệ công tác của cấp ủy cấp tỉnh, cấp ủy cấp huyện chưa cụ thể hóa đầy đủ; thiếu quy định khung quy chế làm việc của cấp ủy các cấp. Số lượng, cơ cấu, chất lượng cấp ủy viên, ủy viên ban thường vụ cấp ủy các cấp còn một số bất cập. Năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của không ít cấp ủy, tổ chức đảng còn yếu, nhất là ở một số cơ sở và trong doanh nghiệp nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập. Tổ chức, hoạt động của một số ban chỉ đạo và ban bảo vệ, chăm sóc sức khỏe cán bộ có mặt còn bất cập.

Năng lực quản lý, điều hành và hiệu lực, hiệu quả hoạt động của một số cơ quan nhà nước cả ở Trung ương và địa phương còn hạn chế. Sự phối hợp giữa các cấp, ngành, địa phương có lúc, có nơi thiếu chặt chẽ. Chưa phân định thật rõ tính đặc thù của chính quyền đô thị, nông thôn, hải đảo. Các đơn vị hành chính địa phương nhìn chung quy mô nhỏ, nhiều đơn vị không bảo đảm tiêu chuẩn theo quy định, nhất là cấp huyện, cấp xã. Số lượng, cơ cấu đại biểu dân cử chưa phù hợp, chất lượng còn hạn chế. Việc thành lập Văn phòng đoàn đại biểu Quốc hội cấp tỉnh làm phát sinh một số bất cập trong công tác cán bộ, quản lý cán bộ. Nhiều tổ chức phối hợp liên ngành, ban quản lý dự án trùng lặp về chức năng, nhiệm vụ, hiệu quả hoạt động chưa cao.

Tổ chức bộ máy, phương thức hoạt động của Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể chính trị - xã hội chậm đổi mới, một số nhiệm vụ còn trùng lặp, vẫn còn tình trạng “hành chính hóa”, “công chức hóa”. Tổ chức hội quần chúng lập nhiều ở các cấp, nhưng cơ sở vật chất và kinh phí hoạt động chủ yếu vẫn dựa vào ngân sách nhà nước.

**Những hạn chế, bất cập trên do nhiều nguyên nhân:**

Mô hình tổng thể về tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị chưa được hoàn thiện, một số bộ phận, lĩnh vực chưa phù hợp với yêu cầu, nhiệm vụ của thời kỳ mới.

Công tác lãnh đạo, chỉ đạo, quán triệt và tổ chức thực hiện các chủ trương, nghị quyết, kết luận của Đảng, quy định của Nhà nước về sắp xếp, kiện toàn tổ chức bộ máy, tinh giản biên chế thiếu kiên quyết, đồng bộ.

Công tác quản lý tổ chức bộ máy và biên chế chưa chặt chẽ và chưa tập trung thống nhất vào một đầu mối. Trong nhiều văn bản quy phạm pháp luật chuyên ngành vẫn quy định về tổ chức bộ máy, biên chế; một số văn bản pháp luật về tổ chức còn nội dung chưa phù hợp.

Cơ chế, chính sách khuyến khích việc sắp xếp tinh gọn tổ chức, biên chế chưa phù hợp, thiếu mạnh mẽ. Việc phân bổ kinh phí thường xuyên theo biên chế chưa gắn với kết quả và hiệu quả hoạt động của các tổ chức, cơ quan, đơn vị là một trong những nguyên nhân làm tăng biên chế.

Công tác kiểm tra, thanh tra, giám sát thiếu thường xuyên; chưa xử lý nghiêm đối với những tập thể, cá nhân, nhất là người đứng đầu không hoàn thành nhiệm vụ sắp xếp tổ chức, tinh gọn bộ máy, tinh giản biên chế.

Công tác tổng kết thực tiễn, nghiên cứu khoa học về tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị chưa được coi trọng và chưa được tiến hành một cách căn cơ, bài bản, thiết thực.



Những hạn chế về xây dựng tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị nêu trên mang lại những hệ lụy và đặt ra các vấn đề cần giải quyết.

Một là, chất lượng lãnh đạo, quản lý thấp; vai trò lãnh đạo, uy tín trong xã hội và niềm tin của Nhân dân với hệ thống chính trị đang bị giảm sút. Ngoài nguyên nhân bắt nguồn từ suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, “tự diễn biến”, “tự chuyển hóa” trong nội bộ, những hạn chế về tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị hiện nay đang làm suy giảm vai trò lãnh đạo, uy tín của Đảng, vai trò, hiệu lực quản lý của Nhà nước, vai trò, hiệu quả hoạt động của Mặt trận Tổ quốc, các tổ chức chính trị - xã hội trong xã hội.

Hai là, nhiều vụ việc nảy sinh trong xã hội chậm được giải quyết, để trì trệ, kéo dài, gây nhiều bức xúc. Tình trạng buông lỏng kỷ luật, kỷ cương, vi phạm pháp luật và những tiêu cực trong lãnh đạo, quản lý các lĩnh vực của đời sống xã hội có chiều hướng gia tăng.

Ba là, tổ chức bộ máy, đội ngũ cán bộ, biên chế của hệ thống chính trị ngày càng phình ra chưa được kiểm soát và chưa có hướng giải quyết. Hậu quả là mang lại gánh nặng quá tải cho ngân sách, trong khi thu nhập danh nghĩa của cán bộ, công chức còn thấp, tác động trực tiếp đến tư tưởng, thái độ làm việc, năng suất công tác, thậm chí phẩm chất, đạo đức của cán bộ, công chức, viên chức trong hệ thống chính trị.

Bốn là, những sơ hở, yếu kém trong công tác tổ chức, cán bộ đã và đang ảnh hưởng lớn đến toàn bộ hoạt động của hệ thống chính trị. Các quy định, quy trình của công tác cán bộ đã trở nên hình thức, không hạn chế được sự lợi dụng với động cơ xấu của một số cán bộ lãnh đạo, hình thành “lợi ích nhóm”; không hạn chế được tình trạng bố trí người nhà, người thân vào trong tổ chức bộ máy ở tất cả các cấp, gây bức xúc, bất bình trong dư luận, công luận.

Năm là, đã xuất hiện mâu thuẫn trong nội bộ, nhưng chưa có hướng giải quyết cụ thể. Sự bất hợp lý, những yếu kém, khuyết điểm trong công tác lãnh đạo, quản lý, trong công tác tổ chức, cán bộ làm sâu sắc thêm tình trạng phân hóa xã hội, phân hóa nội bộ, dẫn đến những mâu thuẫn, thậm chí xung đột lợi ích giữa cán bộ với cán bộ, giữa cán bộ với một bộ phận Nhân dân ở một số tổ chức, địa phương. Đây là hiện tượng rất đáng lo ngại.

Những hệ lụy nêu trên hoặc trực tiếp, hoặc gián tiếp đều cản trở và tác động xấu đến quá trình đổi mới, ảnh hưởng không nhỏ đến thực hiện nhiệm vụ xây dựng, bảo vệ Tổ quốc, cần kiên quyết, tích cực giải quyết sớm.

### **3. Định hướng quan điểm, mục tiêu, nhiệm vụ và giải pháp**

Nghị quyết Trung ương 6 khóa XII đã chỉ rõ các quan điểm sau:

Một là, tăng cường sự lãnh đạo của Đảng, hiệu lực quản lý của Nhà nước, phát huy vai trò của Mặt trận Tổ quốc, các đoàn thể chính trị - xã hội và quyền làm chủ của Nhân dân; bám sát Cương lĩnh, Hiến pháp, Điều lệ và các văn kiện của Đảng trong việc đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị; đặt trong tổng thể nhiệm vụ xây dựng, chỉnh đốn Đảng; thực hiện đồng bộ với đổi mới kinh tế, đáp ứng yêu cầu xây dựng, hoàn thiện Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa, phát triển kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế.

Hai là, giữ vững các nguyên tắc tổ chức, hoạt động và đề cao kỷ luật, kỷ cương của Đảng, pháp luật của Nhà nước; nghiêm túc thực hiện nguyên tắc Đảng thống nhất lãnh đạo việc đổi

mới, sắp xếp và quản lý tổ chức bộ máy, biên chế của hệ thống chính trị. Bảo đảm sự lãnh đạo, chỉ đạo tập trung thống nhất của Trung ương, đồng thời phát huy tính tích cực, chủ động, sáng tạo của từng cấp, từng ngành, từng địa phương; xác định rõ trách nhiệm của tập thể và cá nhân, nhất là người đứng đầu.

Ba là, bảo đảm tính tổng thể, đồng bộ, liên thông; kết hợp hài hoà giữa kế thừa, ổn định với đổi mới, phát triển; gắn đổi mới tổ chức bộ máy với đổi mới phương thức lãnh đạo, tinh giản biên chế và cải cách chế độ tiền lương; cơ cấu lại và nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức; thu hút người có đức, có tài; bố trí đủ nguồn lực cần thiết và có cơ chế, chính sách phù hợp đối với những người chịu tác động trực tiếp trong quá trình sắp xếp.

Bốn là, có sự vào cuộc của cả hệ thống chính trị với quyết tâm cao, nỗ lực lớn, hành động quyết liệt, hiệu quả. Lãnh đạo tập trung, thống nhất; thực hiện thường xuyên, liên tục, tích cực, mạnh mẽ, có trọng tâm, trọng điểm, có lộ trình, bước đi vững chắc, đáp ứng yêu cầu cả trước mắt và lâu dài. Những việc đã rõ, cần thực hiện thì thực hiện ngay; những việc mới, chưa được quy định, hoặc những việc đã có quy định nhưng không còn phù hợp thì mạnh dạn chỉ đạo thực hiện thí điểm, vừa làm vừa rút kinh nghiệm, từng bước hoàn thiện, mở rộng dần, không cầu toàn, không nóng vội; những việc chưa rõ, phức tạp, nhạy cảm, còn có ý kiến khác nhau thì tiếp tục nghiên cứu, tổng kết để có chủ trương, giải pháp phù hợp.

Năm là, thực hiện nguyên tắc một cơ quan thực hiện nhiều việc và một việc chỉ giao cho một cơ quan chủ trì thực hiện và chịu trách nhiệm chính. Mô hình và quy mô tổ chức bộ máy phải phù hợp với tính chất, đặc điểm, chức năng, nhiệm vụ của từng cơ quan, đơn vị, địa phương.

Sáu là, làm tốt công tác giáo dục chính trị tư tưởng, nâng cao nhận thức của cán bộ, đảng viên về đổi mới, sắp xếp tổ chức, bộ máy, tinh giản biên chế; tăng cường tuyên truyền, vận động, thuyết phục, tạo sự thống nhất cao trong Đảng và sự đồng thuận trong xã hội, không để các thế lực thù địch, các phần tử xấu lợi dụng xuyên tạc, chống phá, chia rẽ nội bộ.

### **Mục tiêu tổng quát:**

Tiếp tục đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả và phù hợp với thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa nhằm tăng cường vai trò lãnh đạo của Đảng; nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý của Nhà nước và chất lượng hoạt động của Mặt trận Tổ quốc, các đoàn thể chính trị - xã hội; phát huy quyền làm chủ của Nhân dân.

Tinh giản biên chế gắn với cơ cấu lại, nâng cao chất lượng, sử dụng hiệu quả đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức; giám chi thường xuyên và góp phần cải cách chính sách tiền lương.

### **Mục tiêu cụ thể:**

Đến năm 2021: Cơ bản hoàn thành việc sắp xếp, kiện toàn một số tổ chức và các đầu mối bên trong của từng tổ chức theo hướng giảm đầu mối, giảm tối đa cấp trung gian, giảm cấp phó; Sửa đổi, bổ sung, hoàn thiện một số quy định liên quan đến chức năng, nhiệm vụ, tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị để kịp thời khắc phục tình trạng trùng lặp, chồng chéo chức năng, nhiệm vụ, lĩnh vực quản lý; Thực hiện thí điểm một số mô hình mới về tổ chức bộ máy và kiêm nhiệm chức danh để tinh gọn đầu mối, nâng cao hiệu lực, hiệu quả hoạt động, góp

phân làm rõ về lý luận và thực tiễn; Sắp xếp thu gọn hợp lý các đơn vị hành chính cấp xã chưa đạt 50% tiêu chuẩn theo quy định về quy mô dân số, diện tích tự nhiên và giảm số lượng thôn, tổ dân phố; Giảm tối thiểu 10% biên chế so với năm 2015.

Từ năm 2021 đến năm 2030: Hoàn thành việc nghiên cứu và tổ chức thực hiện mô hình tổ chức tổng thể của hệ thống chính trị phù hợp với yêu cầu, điều kiện cụ thể của nước ta trong giai đoạn mới; giảm biên chế; Phân định rõ chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của từng cơ quan, tổ chức, khắc phục được tình trạng chồng chéo, trùng lặp hoặc bỏ sót chức năng, nhiệm vụ giữa các cơ quan, tổ chức trong hệ thống chính trị; Tiếp tục cụ thể hoá, thể chế hoá chủ trương, nghị quyết, kết luận của Đảng về đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy bằng các quy định của Đảng, pháp luật của Nhà nước; Phân định rõ và tổ chức thực hiện mô hình chính quyền nông thôn, đô thị, hải đảo và đơn vị hành chính - kinh tế đặc biệt; Cơ bản hoàn thành việc sắp xếp thu gọn các đơn vị hành chính cấp huyện, xã và thôn, tổ dân phố theo tiêu chuẩn quy định.

Đối với các đơn vị sự nghiệp công lập từ nay đến năm 2030: Thực hiện có hiệu quả theo lộ trình, mục tiêu và nhiệm vụ, giải pháp của Nghị quyết Trung ương 6 khoá XII về “Tiếp tục đổi mới hệ thống tổ chức và quản lý, nâng cao chất lượng và hiệu quả hoạt động của các đơn vị sự nghiệp công lập”.

### **Định hướng về nhiệm vụ, giải pháp**

Thực tiễn hơn 30 năm đổi mới đang đòi hỏi cấp thiết, đồng thời cũng tạo những tiền đề để tiếp tục đổi mới căn bản, toàn diện hệ thống chính trị, xây dựng đội ngũ cán bộ, đáp ứng yêu cầu của thời kỳ mới. Từ nay đến năm 2030 cần thiết và có thể triển khai căn cơ những nhiệm vụ, giải pháp sau đây:

Một là, tiếp tục tổng kết thực tiễn, nghiên cứu lý luận về đảng lãnh đạo, đảng cầm quyền.

Tập trung tổng kết thực tiễn, nghiên cứu lý luận để hình thành hệ thống lý luận hoàn chỉnh, sáng rõ về một đảng duy nhất cầm quyền trong điều kiện phát triển kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, hội nhập quốc tế; xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa, xây dựng xã hội dân chủ, xã hội thông tin trong bối cảnh cuộc cách mạng công nghiệp 4.0.

Luận giải thấu đáo, có sức thuyết phục và cụ thể hóa, thể chế hóa quan hệ “Đảng lãnh đạo - Nhà nước quản lý - Nhân dân làm chủ”, mối quan hệ “Nhà nước - Thị trường - Xã hội” trong giai đoạn phát triển hiện nay.

Làm rõ luận điểm: Khi đã trở thành đảng cầm quyền, có Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa, Đảng lãnh đạo xã hội chủ yếu bằng Nhà nước, thông qua Nhà nước... Từ đó, cụ thể hóa nội dung phương thức lãnh đạo của Đảng và tổ chức bộ máy hệ thống chính trị.

Kết quả tổng kết thực tiễn, nghiên cứu lý luận cần cung cấp luận cứ vững chắc cho việc xây dựng Văn kiện Đại hội XIII và các đại hội tiếp theo để định hướng đúng đắn quá trình hoàn thiện phương thức lãnh đạo của Đảng, xây dựng hệ thống chính trị trong thời kỳ mới.

Hai là, hoàn thiện phương thức lãnh đạo, cầm quyền của Đảng thông qua tổ chức đảng và đảng viên.

Tập trung xây dựng tổ chức đảng, đặc biệt là tổ chức cơ sở đảng, về chính trị, tư tưởng, tổ chức, đạo đức, nâng cao năng lực lãnh đạo, sức chiến đấu của tổ chức đảng bảo đảm là hạt

nhân lãnh đạo trong hệ thống chính trị. Đổi mới mạnh mẽ nội dung, phương thức hoạt động của tổ chức đảng theo hướng thiết thực, hiệu quả hướng vào lãnh đạo những nhiệm vụ chính trị trọng tâm, giải quyết những vấn đề bức xúc, cấp thiết của tổ chức, đơn vị, địa bàn.

Chú trọng công tác phát triển đảng viên, bảo đảm số lượng, chất lượng, nhất là ở cơ sở, chuẩn bị đội ngũ cho lâu dài. Tăng cường giáo dục, rèn luyện đảng viên về đạo đức, năng lực. Đổi mới quy trình xây dựng cấp ủy, quy trình lựa chọn, bố trí các cấp ủy viên vào các vị trí trọng yếu của hệ thống chính trị các cấp, bảo đảm chất lượng, đúng người, đúng việc. Xác định rõ quyền hạn, trách nhiệm của người đứng đầu cấp ủy, đứng đầu các tổ chức trong hệ thống chính trị. Phát huy vai trò nêu gương của cán bộ, đảng viên; khắc phục bằng được sự suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, những biểu hiện “tự diễn biến”, “tự chuyển hóa” trong Đảng.

Ba là, nghiên cứu, xây dựng mô hình tổng thể của hệ thống chính trị nước ta.

Nghiên cứu, xây dựng mô hình tổng thể cơ bản, ổn định lâu dài của hệ thống chính trị ở nước ta trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội, trên cơ sở đó xây dựng kế hoạch, từng bước đổi mới, tổ chức lại hệ thống chính trị theo mô hình tổng thể.

#### **Yêu cầu chung của mô hình tổng thể là:**

Khắc phục tình trạng chồng chéo, trùng lặp hoặc bỏ trống về chức năng, nhiệm vụ trong từng “tiểu hệ thống” (Đảng, Nhà nước, Mặt trận, tổ chức chính trị - xã hội) và trong toàn hệ thống. Bảo đảm tổ chức bộ máy của toàn bộ hệ thống chính trị tinh gọn, hợp lý, hoạt động hiệu quả, phối hợp nhịp nhàng, hỗ trợ lẫn nhau dưới sự lãnh đạo thống nhất của Đảng. Về cơ bản không duy trì tổ chức trung gian; không rập khuôn máy móc về mô hình tổ chức giữa các tiểu hệ thống, giữa Trung ương với địa phương, giữa các địa phương với nhau. Sắp xếp lại theo hướng thu gọn đầu mối các đơn vị hành chính và bộ máy trong toàn hệ thống gắn với tinh giản biên chế, cơ cấu lại đội ngũ công chức, viên chức; thu hút, phát huy nhân tài.

Đối với tổ chức đảng, thực hiện nguyên tắc: (1) một tổ chức hành chính trong hệ thống chính trị chỉ có một tổ chức đảng tương ứng lãnh đạo trực tiếp, toàn diện, cá biệt tổ chức nào trong hệ thống chính trị còn hai tổ chức đảng lãnh đạo thì phải xác định rõ chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, trách nhiệm, mối quan hệ công tác của từng tổ chức đảng. (2) Các tổ chức đảng và cơ quan tham mưu, giúp việc của Đảng không có tổ chức đảng trung gian. Tinh giản các tổ chức tham mưu, chuyên trách, giúp việc; tích hợp một số cơ quan của Đảng và cơ quan nhà nước có sự tương đồng về chức năng, nhiệm vụ. (3) Giảm số lượng cấp ủy viên các cấp; thực hiện chế độ người đứng đầu tổ chức đảng kiêm nhiệm chức danh đứng đầu các tổ chức trong hệ thống chính trị.

Đối với tổ chức bộ máy nhà nước: xây dựng tổ chức bộ máy đồng bộ giữa các cơ quan lập pháp, hành pháp, tư pháp, giảm bớt các đầu mối trung gian, các tổ chức làm các công việc mà thị trường, xã hội có thể làm tốt hơn, sáp nhập, tổ chức lại các Bộ, ngành theo hướng quản lý đa ngành, đa lĩnh vực gắn với đổi mới công tác lập pháp, cải cách hành chính, cải cách tư pháp, xây dựng nền quản trị hiện đại, Chính phủ điện tử.

Tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị ở địa phương phù hợp với điều kiện nông thôn, đô thị, hải đảo, đơn vị hành chính - kinh tế đặc biệt...; xây dựng thiết chế quản trị vùng kinh tế. Sắp xếp lại bộ máy quản lý nhà nước cấp cơ sở tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả; chăm lo xây dựng đội ngũ công chức cấp cơ sở cả về phẩm chất, năng lực, điều kiện sống, làm việc.

Sắp xếp lại các tổ chức, cơ quan của Mặt trận, tổ chức chính trị - xã hội... theo hướng tinh giản đầu mối, giảm bớt các cơ quan tham mưu, giúp việc, phục vụ; khắc phục các biểu hiện “nhà nước hóa về tổ chức”, “hành chính hóa về hoạt động”, “công chức hóa về cán bộ”.

Bốn là, xây dựng đội ngũ cán bộ đáp ứng được yêu cầu mới.

Căn cứ vào chức năng, nhiệm vụ của tổ chức để xây dựng đội ngũ cán bộ, công chức phù hợp, theo hướng: trọng chất lượng hơn số lượng; một người làm nhiều việc; một việc có một người chịu trách nhiệm chính...

Nghiên cứu, đổi mới căn bản, toàn diện mô hình tổ chức, nội dung, phương thức đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức phù hợp với từng chức danh, với chức năng, nhiệm vụ của cán bộ, công chức; bố trí, sử dụng đúng người, đúng việc, đáp ứng yêu cầu một cán bộ có thể đảm nhiệm nhiều chức danh.. Nội dung đào tạo, bồi dưỡng phải cập nhật, thích ứng với yêu cầu mới của thực tiễn; chú trọng kỹ năng lãnh đạo, quản trị, xử lý tình huống, làm chủ công nghệ mới... Tách bạch giữa bồi dưỡng, đào tạo cán bộ, nhất là cán bộ lãnh đạo, quản lý với học vị hóa, học hàm hóa cán bộ.

Những việc cần và có thể làm trong nhiệm kỳ Đại hội XII của Đảng, đổi mới mạnh mẽ phương thức lãnh đạo của Đảng, đổi mới cơ bản hệ thống chính trị là công việc rất lớn, rất phức tạp, cần chuẩn bị, triển khai liên tục, thường xuyên, lâu dài trong hai, ba nhiệm kỳ Đại hội đảng.

**Từ nay đến Đại hội lần thứ XIII của Đảng, xin đề xuất một số trọng tâm sau đây:**

Một là, tiếp tục đổi mới phương thức lãnh đạo của Đảng thông qua tổ chức chức đảng và đảng viên.

Tiếp tục rà soát, điều chỉnh, bổ sung, ban hành các quy chế, quy định về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, trách nhiệm lãnh đạo của các tổ chức đảng, các cấp ủy đảng, của người đứng đầu cấp ủy, đứng đầu các tổ chức, cơ quan trong hệ thống chính trị phù hợp với yêu cầu, điều kiện của tình hình mới. Đẩy mạnh việc triển khai thực hiện Nghị quyết Trung ương 4 khóa XII, tạo chuyển biến cơ bản trong công tác xây dựng, chỉnh đốn Đảng; nâng cao chất lượng, phát huy vai trò tiên phong, gương mẫu của cán bộ, đảng viên.

Hai là, xây dựng hệ thống chính trị tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả.

Lựa chọn một số công việc đã rõ, điều kiện đã chín muồi, có thể làm ngay mà không cần sửa đổi Điều lệ Đảng, Hiến pháp, pháp luật, bảo đảm không gây xáo trộn, không ảnh hưởng đến việc thực hiện các nhiệm vụ chính trị:

(1) Tiếp tục điều chỉnh chức năng, nhiệm vụ và tổ chức bộ máy của các tổ chức, cơ quan trong hệ thống chính trị; khắc phục sự chồng chéo, trùng lặp, hoạt động kém hiệu quả; kiện toàn sắp xếp, cơ cấu lại đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức của từng cơ quan, đơn vị, đảm bảo hợp lý, đúng với vị trí việc làm; giải quyết tốt lực lượng dôi dư.

(2) Xử lý một số vấn đề bất hợp lý, đã rõ trong từng “tiểu hệ thống”.

Đối với hệ thống tổ chức đảng: xem xét, giải quyết mô hình “đảng ủy khối”, “đảng đoàn”, “ban cán sự đảng”, bảo đảm về nguyên tắc một tổ chức, đơn vị hành chính của hệ thống chính trị chỉ có một tổ chức đảng lãnh đạo tập trung, toàn diện; bí thư cấp ủy đồng thời là người đứng đầu tổ chức tương ứng. Điều chỉnh chức năng, nhiệm vụ, tổ chức bộ máy các ban chỉ đạo, khắc phục sự chồng chéo, trùng lặp với các tổ chức khác trong hệ thống.

Đối với tổ chức bộ máy nhà nước: điều chỉnh, phân định rõ hơn chức năng, nhiệm vụ của các cơ quan quản lý nhà nước, khắc phục tình trạng chồng lấn, giao thoa. Về cơ bản, tách khu vực dịch vụ công khỏi bộ máy quản lý, biên chế nhà nước. Đổi mới cơ chế vận hành; giảm bớt các tổ chức trung gian, các đầu mối bên trong, các cơ quan chuyên trách giúp việc các Ban Chỉ đạo, giảm số lượng cấp phó. Tập trung kiện toàn chính quyền cấp cơ sở, giảm số lượng người hưởng phụ cấp, nâng cao chất lượng và cải thiện điều kiện làm việc của đội ngũ cán bộ, công chức cấp cơ sở.

Đối với tổ chức của Mặt trận Tổ quốc, các tổ chức chính trị - xã hội: Rà soát, giảm bớt cấp trung gian; nghiên cứu, thực hiện mô hình sử dụng cơ quan tham mưu, giúp việc chung trong khối mặt trận, đoàn thể, trước hết ở cấp quận, huyện...

(3) Xây dựng phương án, chuẩn bị điều kiện để thực hiện việc hợp nhất khi có điều kiện một số tổ chức, cơ quan đảng và tổ chức, cơ quan nhà nước, hợp nhất một số cơ quan tham mưu của Đảng, một số cơ quan quản lý nhà nước có sự tương đồng hoặc gần giống về chức năng, nhiệm vụ theo hướng liên thông, tổng hợp, đa ngành, đa lĩnh vực.

Bốn là, tăng cường tổng kết thực tiễn, nghiên cứu lý luận phục vụ xây dựng Văn kiện Đại hội XIII, định hướng cho việc tiếp tục đổi mới phương thức lãnh đạo của Đảng, xây dựng mô hình tổng thể, cơ bản, ổn định lâu dài của hệ thống chính trị ở nước ta sau Đại hội XIII và các đại hội tiếp theo./.

*GS. TS. Phùng Hữu Phú*

*Nguồn: hdl.vn*

[1] Từ chiến tranh sang hòa bình. Từ kinh tế kế hoạch hóa tập trung chuyển sang kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa. Từ thế bị bao vây cấm vận, đến hội nhập quốc tế. Từ xã hội có cơ cấu thống nhất sang xã hội cơ cấu đa tầng, đan xen ngày càng đa dạng, phức tạp; xã hội thông tin đơn tuyến sang xã hội đa thông tin, đa tuyến, đa chiều; xã hội “dân chủ truyền thống” sang xã hội dân chủ lãnh đạo. Từ nhà nước chuyên chính vô sản sang Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa của dân, do dân và vì dân...

## THÀNH CÔNG CỦA CHÍNH PHỦ ĐIỆN TỬ: LÀ PHÉP NHÂN GIỮA CẢI CÁCH QUẢN TRỊ CÔNG VỚI CHUYÊN ĐỔI SỐ

Nghiên cứu kinh nghiệm của các nước trên thế giới, chuyên gia Nguyễn Thế Trung, thành viên Tổ công tác giúp việc Ủy ban quốc gia về Chính phủ điện tử cho rằng, công thức để xây dựng thành công Chính phủ điện tử là phép nhân giữa cải cách quản trị công với chuyên đổi số.

### **Tạo đột phá trong xây dựng Chính phủ điện tử**

Nói về vấn đề xây dựng Chính phủ điện tử tại Việt Nam, Thủ tướng Chính phủ Nguyễn Xuân Phúc đã chỉ rõ, tầm nhìn của chúng ta là xây dựng Chính phủ điện tử hướng tới Chính phủ số, nền kinh tế số và xã hội số, bảo đảm an toàn thông tin, an ninh mạng, có sự tiếp nối, kế thừa giữa các cấp độ, giai đoạn phát triển. Xác định phương châm triển khai xây dựng Chính phủ điện tử là thiết thực, hiệu quả, không hình thức, lấy người dân, doanh nghiệp làm trung tâm và sự hài lòng của cá nhân, tổ chức là thước đo quan trọng trong phát triển Chính phủ điện tử, bảo đảm không để ai bị bỏ lại phía sau.

Trong phát biểu chỉ đạo tại Hội nghị triển khai nhiệm vụ năm 2020 của ngành Thông tin và Truyền thông, người đứng đầu Chính phủ cũng đã nhấn mạnh vai trò đột phá của Chính phủ điện tử trong việc thực hiện Chính phủ phục vụ người dân, kiến tạo phát triển.

Chia sẻ quan điểm ở góc độ của chuyên gia đã có gần 20 năm hoạt động trong lĩnh vực công nghệ thông tin, ông Nguyễn Thế Trung, thành viên Tổ công tác giúp việc Ủy ban quốc gia về Chính phủ điện tử nhận định, chọn Chính phủ điện tử là khâu đột phá là một lựa chọn đúng đắn và khả thi.

Tuy nhiên, theo báo cáo Chỉ số phát triển Chính phủ điện tử của Liên hợp quốc, Việt Nam hiện đang đứng thứ 88/193 trên thế giới; đứng thứ 6/11 tại khu vực ASEAN, sau Singapore, Malaysia, Philippines, Thái Lan và Brunei.

Nghị quyết số 52-NQ/TW ngày 27/9/2019 của Bộ Chính trị về một số chủ trương, chính sách chủ động tham gia cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ tư đã đặt ra mục tiêu đến năm 2025 Việt Nam sẽ nằm trong nhóm 4 nước dẫn đầu ASEAN về xếp hạng Chính phủ điện tử theo đánh giá của Liên hợp quốc. Theo chuyên gia Nguyễn Thế Trung, để đạt được mục tiêu trên, vượt qua 2 quốc gia khác cũng khá mạnh trong khu vực ASEAN, Việt Nam cần tìm ra công thức để không tiến tuần tự mà phát triển đột phá.

“Tôi cho rằng, có thể tổng kết một công thức về thành công của “Chính phủ điện tử = Cải cách quản trị công x Chuyên đổi số”. Tôi đề nghị đây là phép nhân, không phải phép cộng”, ông Trung đề xuất.

### **Tại sao “Chính phủ điện tử = Cải cách quản trị công x Chuyên đổi số”?**

Lý giải rõ hơn đề xuất trên, chuyên gia Nguyễn Thế Trung cho biết, theo tổng kết về quá trình của những nước có khoảng 20 năm triển khai Chính phủ điện tử, các rào cản đối với

việc người dân tham gia sử dụng Chính phủ điện tử ban đầu có thể gắn với vấn đề công nghệ nhưng sau đó đa phần sẽ là các vấn đề quản trị công.

“Giai đoạn bắt đầu triển khai Chính phủ điện tử, người ta nói đến triển khai dịch vụ công trực tuyến thế nào, văn bản số ra sao? Nhưng sau đó, khi thấy rằng người dân không vào sử dụng dịch vụ, người ta nhận thấy rằng vai trò của quản trị công rất quan trọng. Khi người dân tin tưởng rằng các giải pháp công nghệ có thể mang lại những lợi ích cho họ thì lúc đó tính sử dụng trong Chính phủ điện tử sẽ tăng lên một cách đột biến. Vì thế, việc người dân có dùng hay không các dịch vụ Chính phủ điện tử là vấn đề của quản trị công”, ông Trung phân tích.

Cũng theo phân tích của chuyên gia Nguyễn Thế Trung, ngược lại, tổng kết kinh nghiệm quốc tế cũng cho thấy, xét về hiệu quả đầu tư cho Chính phủ điện tử, nếu như bước đầu vấn đề quản trị công rất quan trọng, thì về lâu dài vấn đề công nghệ lại là yếu tố quyết định.

“Bởi lẽ, nếu chúng ta không có sự định hình về công nghệ nền tảng ngay từ ban đầu, để tình trạng “trăm hoa đua nở”, sử dụng các công nghệ hoặc bị khóa bởi nhà cung cấp hoặc những công nghệ không cập nhật, không thể liên thông với nhau thì sau này chính vấn đề chi phí cho Chính phủ điện tử sẽ làm cho chúng ta không phát triển được Chính phủ điện tử như chúng ta mong muốn. Cho nên, nếu như một trong hai vế - quản trị công hay chuyển đổi số, càng thấp thì Chính phủ điện tử sẽ càng thấp. Và nếu một trong hai vế này bằng 0 thì đương nhiên kết quả cũng sẽ bằng 0”, ông Trung giải thích thêm.

Mặt khác, các chỉ tiêu phát triển Chính phủ điện tử của Liên hiệp quốc cũng dựa trên 3 yếu tố gồm dịch vụ công trực tuyến; hạ tầng công nghệ thông tin - truyền thông và chỉ số nguồn nhân lực. Phân tích kỹ hơn, có thể thấy rằng trong mỗi chỉ số này đều hàm chứa chất lượng quản trị công và ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số.

Minh chứng cho quan điểm của mình, chuyên gia Nguyễn Thế Trung viện dẫn, kết quả nghiên cứu 20 năm về Chính phủ điện tử tại các nước cho thấy mô hình trường thành của Chính phủ điện tử có sự đồng hành từ phía quản trị công và phía công nghệ thông tin.

“Chúng ta có thể thấy sự tương đồng với các giai đoạn phát triển tại Việt Nam. Trong đó, mô hình trường thành này cũng cho chúng ta đích đến rõ ràng của giai đoạn thứ tư, đó là phía quản trị công cần đẩy mạnh liên thông nghiệp vụ và giảm khoảng cách số, còn phía công nghệ thông tin cần tạo ra sự chuyển đổi (hay còn gọi là chuyển đổi số)”, ông Trung nêu.

### **Cần có chiến lược tổng thể phát triển Chính phủ điện tử đến năm 2030**

Cũng trong tham luận tại Hội nghị trực tuyến của Ủy ban quốc gia về Chính phủ điện tử, chuyên gia Nguyễn Thế Trung đã chỉ ra hai điểm nghẽn cần chú ý trong xây dựng Chính phủ điện tử.

Cụ thể, theo ông, quản trị công yêu cầu năng lực quản lý trọn vòng đời và hướng tới mục đích chứ không chỉ là các mục tiêu cụ thể, điều này đạt được bằng việc liên tục bảo đảm chất lượng và đo lường tiến độ, điều này chỉ làm được với việc quản trị dựa trên dữ liệu.

Vì thế, để Chính phủ điện tử phát triển mạnh hơn trong giai đoạn tới, bộ phận quản lý cải cách hành chính ngoài việc tiếp tục đơn giản hóa các thủ tục hành chính cần phải đưa ra



cách làm mới sử dụng dữ liệu để theo dõi, đánh giá, đo lường và chủ động điều hành tại các cấp chính quyền.

Cùng với đó, chuyển đổi số cần nhìn toàn Chính phủ như một tổ chức thống nhất và chuyển đổi hướng tới nhu cầu của người dùng (doanh nghiệp, người dân, công chức). Do đó, đơn vị phụ trách công nghệ thông tin phải có khả năng xây dựng và vận hành nền tảng Chính phủ điện tử, quản lý tập trung các dự án đầu tư cho các nền tảng này và tạo hệ sinh thái để các cấp chính quyền phát triển các dịch vụ ứng dụng theo nhu cầu của họ.

Vị chuyên gia này cũng nêu khuyến nghị, để chuẩn bị cho giai đoạn tiếp theo khi chuyển sang Kiến tạo và bền vững, Việt Nam cần có một chiến lược Chính phủ điện tử hướng tới năm 2030 đi kèm với một kiến trúc tổng thể thực hiện và một đầu mối quản lý chương trình tổng thể: “Chiến lược này cần thể hiện rõ phép nhân giữa cải cách quản trị công và chuyển đổi số sẽ xảy ra ở giai đoạn này để chúng ta có thể đột phá về các chỉ tiêu”.

Đồng thời, Việt Nam cũng cần một đề án tổng thể triển khai Chính phủ điện tử giai đoạn 2021 - 2023, trong đó gắn kết giữa cải cách quản trị công và chuyển đổi số. Đề án này đưa ra cách làm cụ thể và nguồn lực tương ứng để triển khai các nền tảng Chính phủ điện tử song song với các công cụ hỗ trợ quản trị công như báo cáo, phân tích, quản lý tiến độ, quản lý rủi ro, quản lý chất lượng...

“Chúng tôi đề xuất Văn phòng Chính phủ vẫn là vai trò rất quan trọng để tập trung đưa ra những phương thức hoạt động mới của cơ quan nhà nước khi các giao dịch được số hóa và cho phép ra quyết định dựa trên dữ liệu. Bộ Thông tin và Truyền thông là cơ quan giữ vai trò điều phối các hệ thống thông tin đã có để xây dựng nền tảng Chính phủ điện tử thống nhất cho phép triển khai kết hợp tập trung - phân tán”, ông Trung khuyến nghị.

*Nguồn: ictnews.vietnamnet.vn*

## **CHÍNH PHỦ: BÃI BỎ MỘT SỐ QUY ĐỊNH XỬ PHẠT TRONG LĨNH VỰC XÂY DỰNG**

Từ ngày 01/4/2020, chính thức bãi bỏ một số quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong hoạt động đầu tư xây dựng, khai thác khoáng sản làm vật liệu xây dựng, kinh doanh bất động sản...

Ngày 17/02/2020, Chính phủ ban hành Nghị định số 21/2020/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 139/2017/NĐ-CP ngày 27/11/2017 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong hoạt động đầu tư xây dựng; khai thác, chế biến, kinh doanh khoáng sản làm vật liệu xây dựng, sản xuất, kinh doanh vật liệu xây dựng; quản lý công trình hạ tầng kỹ thuật; kinh doanh bất động sản, phát triển nhà ở, quản lý sử dụng nhà và công sở.

Theo đó, Nghị định số 21/2020/NĐ-CP, bãi bỏ một số quy định xử phạt trong lĩnh vực xây dựng như:

Bỏ quy định xử phạt với hành vi lựa chọn tổ chức, cá nhân không đủ điều kiện tham gia hoạt động lập dự án đầu tư xây dựng; Thẩm tra dự án đầu tư xây dựng (trước đây bị phạt 30 - 40 triệu đồng).

Bỏ quy định xử phạt đối với tổ chức hoạt động xây dựng không có hợp đồng lao động với những cá nhân đảm nhận những chức danh chủ chốt; những chức danh chủ chốt không có chứng nhận bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ về lĩnh vực đặc thù của dự án theo quy định (trước đây bị phạt 20 - 30 triệu đồng).

Bỏ quy định xử phạt nhà thầu nước ngoài không công bố thông tin trên trang thông tin điện tử theo quy định khi tham gia các hoạt động xây dựng (trước đây bị phạt từ 30 - 40 triệu đồng).

Bỏ quy định xử phạt với tổ chức lập quy hoạch phát triển vật liệu xây dựng hoặc quy hoạch khoáng sản làm vật liệu xây dựng không đảm bảo điều kiện năng lực quy định (trước đây bị phạt 20 - 40 triệu đồng).

Bỏ quy định xử phạt đơn vị đào tạo hành nghề môi giới bất động sản sử dụng giảng viên không đủ tiêu chuẩn (trước đây bị xử phạt từ 2 - 5 triệu đồng)...

Nghị định cũng nêu rõ việc xử lý chuyển tiếp các hành vi vi phạm hành chính trên nếu xảy ra trước thời điểm Nghị định này có hiệu lực nhưng đã có quyết định xử phạt vi phạm hành chính của người có thẩm quyền mà chưa thực hiện thì tiếp tục thực hiện theo quy định.

Trường hợp các hành vi vi phạm đã bị lập biên bản vi phạm hành chính hoặc được phát hiện sau ngày Nghị định này có hiệu lực thì không xử phạt vi phạm hành chính.

Nghị định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01/4/2020./.

*Anh Cao - Cổng thông tin điện tử Bộ Nội vụ*

## NHÂN SỰ MỚI CÁC BỘ, NGÀNH, ĐỊA PHƯƠNG

### \* Thủ tướng Chính phủ quyết định:

Bổ nhiệm ông Nguyễn Duy Thăng, Thứ trưởng Bộ Nội vụ kiêm giữ chức vụ Ủy viên Hội đồng quản lý Bảo hiểm xã hội Việt Nam thay ông Trần Anh Tuấn, Thứ trưởng Bộ Nội vụ.

Bổ nhiệm ông Lê Quân, Thứ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội kiêm giữ chức vụ Ủy viên Hội đồng quản lý Bảo hiểm xã hội Việt Nam thay ông Doãn Mậu Diệp.

Bổ nhiệm bà Mai Thị Thu Vân, Phó Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ kiêm giữ chức vụ Ủy viên Hội đồng quản trị Ngân hàng Chính sách xã hội thay ông Nguyễn Sỹ.

Bổ nhiệm ông Mai Lương Khôi, Tổng cục trưởng Tổng cục Thi hành án dân sự, Bộ Tư pháp giữ chức vụ Thứ trưởng Bộ Tư pháp.

Bổ nhiệm lại ông Lê Sơn Hải giữ chức vụ Thứ trưởng, Phó Chủ nhiệm Ủy ban Dân tộc.

Bổ nhiệm lại ông Nguyễn Kim Anh giữ chức vụ Phó Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam.

GS. TSKH. Nguyễn Đình Công thôi giữ chức vụ Phó Chủ tịch Viện Hàn lâm Khoa học và Công nghệ Việt Nam kể từ ngày 01/7/2020.

### \* Bộ Tài chính:

Ông Trần Huy Trường, Phó Chánh Thanh tra được bổ nhiệm giữ chức vụ Chánh Thanh tra Bộ Tài chính kể từ ngày 01/3/2020.

### \* Bộ Y tế:

TS. BS. Hà Anh Đức, Phó Chánh Văn phòng Bộ Y tế được bổ nhiệm giữ chức vụ Chánh Văn phòng Bộ Y tế, kể từ ngày 01/3/2020.

Ông Đỗ Trung Hưng, Chuyên viên chính được bổ nhiệm giữ chức vụ Phó Vụ trưởng Vụ Pháp chế, Bộ Y tế.

Bà Đinh Thị Thu Thủy, Chuyên viên chính được bổ nhiệm giữ chức vụ Phó Vụ trưởng Vụ Pháp chế, Bộ Y tế.

Bà Phạm Thị Minh Châu, Chuyên viên chính được bổ nhiệm giữ chức vụ Phó Vụ trưởng Vụ Hợp tác Quốc tế, Bộ Y tế.

Bà Lê Lan Hương, Chuyên viên chính được bổ nhiệm giữ chức vụ Phó Vụ trưởng Vụ Tổ chức Cán bộ, Bộ Y tế.

### \* Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch:

Ông Vi Kiến Thành, Cục trưởng Cục Mỹ thuật được điều động, bổ nhiệm giữ chức vụ Cục trưởng Cục Điện ảnh, kể từ ngày 01/3/2020.

### \* Tổng cục Quản lý thị trường:

Ông Nguyễn Thanh Bình, Phó Cục trưởng Cục Quản lý thị trường được bổ nhiệm giữ chức vụ Phó Tổng cục trưởng Tổng cục Quản lý thị trường.

**\* Ủy ban Dân tộc:**

Ông Hoàng Đức Thành, Chánh Thanh tra Ủy ban Dân tộc được điều động, bổ nhiệm giữ chức vụ Vụ trưởng Vụ Pháp chế.

Bà Trương Thị Bích Hạnh, Phó Chánh Văn phòng Ủy ban Dân tộc được điều động, bổ nhiệm giữ chức vụ Phó Vụ trưởng Vụ Kế hoạch Tài chính.

Ông Phạm Bình Sơn, Phó Vụ trưởng, Phó Chánh Văn phòng Điều phối Chương trình 135 được điều động, bổ nhiệm giữ chức vụ Phó Chánh Văn phòng Ủy ban Dân tộc.

Ông Phạm Chí Trung, Phó Vụ trưởng Vụ Tổng hợp được điều động, bổ nhiệm giữ chức vụ Phó Vụ trưởng, Phó Chánh Văn phòng Điều phối Chương trình 135.

**\* Tỉnh Vĩnh Phúc:**

Ông Nguyễn Văn Huyền, quyền Giám đốc Sở Giáo dục và Đào tạo được bổ nhiệm giữ chức vụ Giám đốc Sở Giáo dục và Đào tạo, kể từ ngày 26/02/2020.

**\* Tỉnh Yên Bái:**

Ông Nguyễn Yên Hiền, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân TP. Yên Bái được bổ nhiệm giữ chức vụ Phó Giám đốc Sở Xây dựng.

Ông Trần Việt Dũng, Giám đốc Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình giao thông được bổ nhiệm giữ chức vụ Phó Giám đốc Sở Giao thông vận tải.

Ông Trần Anh Tuấn, Trưởng phòng Phòng Tổng hợp Văn phòng Tỉnh ủy được bổ nhiệm giữ chức vụ Phó Trưởng ban Ban Dân vận Tỉnh ủy.

**\* Tỉnh Ninh Bình:**

Ông Đinh Công Toàn, Bí thư Thành ủy Tam Điệp được tiếp nhận tiếp nhận, bổ nhiệm giữ chức vụ Giám đốc Sở Nội vụ.

Ông Đinh Việt Dũng, Chánh Văn phòng Tỉnh ủy được tiếp nhận, bổ nhiệm giữ chức vụ Giám đốc Sở Kế hoạch và Đầu tư.

**\* Tỉnh Hà Tĩnh:**

Ông Nguyễn Công Thành, Phó Tổng Biên tập Báo Hà Tĩnh được tiếp nhận, bổ nhiệm giữ chức vụ Giám đốc Sở Thông tin và Truyền thông, kể từ ngày 24/02/2020.

**\* Tỉnh Phú Yên:**

Ông Nguyễn Dư, Chánh Văn phòng Thanh tra tỉnh được bổ nhiệm giữ chức vụ Phó Chánh Thanh tra tỉnh, kể từ ngày 14/02/2020.

**\* Tỉnh Khánh Hòa:**

Ông Nguyễn Khắc Toàn, Ủy viên dự khuyết Trung ương Đảng, Trưởng ban Ban Tổ chức Tỉnh ủy Khánh Hòa được bầu giữ chức vụ Phó Bí thư thường trực Tỉnh ủy.

**\* Tỉnh Đồng Nai:**

Ông Phan Quang Tuấn, Trưởng phòng Phòng Xây dựng và Phổ biến giáo dục pháp luật (Sở Tư pháp) được bổ nhiệm giữ chức vụ Phó Giám đốc Sở Tư pháp.

*Nguồn: baochinhpvu.vn*